

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN QUỐC VIỆT

**TỘI HỦY HOẠI RỪNG THEO PHÁP LUẬT
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ
LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN QUỐC VIỆT

**TỘI HỦY HOẠI RỪNG THEO PHÁP LUẬT
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 8380104

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

PGS.TS. CAO THỊ OANH

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn “Tội hủy hoại rừng theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Định” là công trình nghiên cứu riêng của tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn nêu trong Luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng. Những kết luận khoa học của Luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

TRẦN QUỐC VIỆT

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI HỦY HOẠI RỪNG	7
1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội hủy hoại rừng.....	7
1.2. Phân biệt tội hủy hoại rừng với một số tội phạm khác	23
1.3. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội hủy hoại rừng	28
Tiểu kết Chương 1	34
CHƯƠNG 2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI HỦY HOẠI RỪNG TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH	35
2.1. Khái quát thực tiễn xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng tại tỉnh Bình Định	35
2.2. Thực tiễn định tội danh tội hủy hoại rừng tại tỉnh Bình Định	41
2.3. Thực tiễn quyết định hình phạt tội hủy hoại rừng tại tỉnh Bình Định	53
Tiểu kết Chương 2	61
CHƯƠNG 3. CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI HỦY HOẠI RỪNG	62
3.1. Yêu cầu bảo đảm áp dụng đúng quy định pháp luật hình sự của tội hủy hoại rừng	62
3.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng trong thực tiễn.....	65
Tiểu kết Chương 3	76
KẾT LUẬN	77
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BCA	: Bộ Công an
BLHS	: Bộ luật Hình sự
BLHS năm 2015	: Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)
BLHS năm 1999	: Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009)
Bộ NN&PTNT	: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
BTP	: Bộ Tư pháp
CA	: Công an
CP	: Chính phủ
Luật BVMT năm 2014	: Luật Bảo vệ môi trường năm 2014
Luật BV&PTR năm 2004	: Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004
NĐ-CP	: Nghị định Chính phủ
TAND	: Tòa án nhân dân
TANDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân
VKSNDTC	: Viện kiểm sát nhân dân tối cao
XPHC	: Xử phạt hành chính
XPVPHC	: Xử phạt vi phạm hành chính

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Diện tích rừng tỉnh Bình Định tính đến ngày 31/12/2013 (Đơn vị tính: ha).

Bảng 2.2. Diện tích rừng tỉnh Bình Định tính đến ngày 31/12/2014 (Đơn vị tính: ha).

Bảng 2.3. Diện tích rừng tỉnh Bình Định tính đến ngày 31/12/2015 (Đơn vị tính: ha).

Bảng 2.4. Diện tích rừng tỉnh Bình Định tính đến ngày 31/12/2016 (Đơn vị tính: ha).

Bảng 2.5. Diện tích rừng tỉnh Bình Định tính đến ngày 31/12/2017 (Đơn vị tính: ha).

Bảng 2.6. Số liệu diện tích rừng bị hủy hoại từ năm 2013 đến năm 2017 của tỉnh Bình Định.

Bảng 2.7. Số vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng từ năm 2013 đến năm 2017 của tỉnh Bình Định.

Bảng 2.8. Số vụ phá rừng trái phép từ năm 2013 đến năm 2017 của tỉnh Bình Định.

Bảng 2.9. Số vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng bị xử lý hành chính, xử lý hình sự từ năm 2013 đến năm 2017 của tỉnh Bình Định.

Bảng 2.10. Tình hình điều tra, truy tố, xét xử tội hủy hoại rừng từ năm 2013 đến năm 2017 của tỉnh Bình Định.

Bảng 2.11. Tội hủy hoại rừng được xét xử theo các khoản của Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 1999 từ năm 2013 đến năm 2017 của tỉnh Bình Định.

Bảng 2.12. Số vụ hủy hoại rừng xét xử bị kháng cáo, kháng nghị từ năm 2013 đến năm 2017 của tỉnh Bình Định.

Bảng 3.1. Đề nghị mức định lượng mới của rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam là nước có diện tích rừng và đất rừng khá lớn, chiếm khoảng 41% diện tích lãnh thổ. Rừng là nguồn tài nguyên có giá trị kinh tế lớn nên đã trở thành đối tượng, mục tiêu khai thác, hủy hoại của nhiều cá nhân, tổ chức. Do vậy, khai thác rừng một cách bền vững cũng như bảo vệ rừng ở Việt Nam trở thành một vấn đề cấp thiết hơn bao giờ hết. Bảo vệ rừng và tài nguyên rừng là một yêu cầu không thể trì hoãn đối với không chỉ riêng Việt Nam mà còn với tất cả các quốc gia trên thế giới nhằm bảo vệ môi trường sống đang bị hủy hoại ở mức độ báo động với nguyên nhân chủ yếu là do chính hoạt động của con người gây ra.

Rừng có vai trò vô cùng quan trọng đối với đời sống con người, do đó công tác bảo vệ rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó trách nhiệm của các cơ quan bảo vệ pháp luật có vai trò rất quan trọng. Nhất là trong giai đoạn hiện nay, đất nước ta đang trong thời kỳ đổi mới, đời sống kinh tế - xã hội có những thay đổi đáng kể, tình hình tội phạm môi trường nói chung và tội phạm hủy hoại rừng nói riêng đang diễn ra hết sức phức tạp với tính chất, mức độ nguy hiểm ngày càng cao, gây mất cân bằng sinh thái, ảnh hưởng đến con người và môi trường trên nhiều phương diện. Trải qua nhiều lần thay đổi, hệ thống pháp luật hình sự nước ta ngày càng tiến bộ, đã góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm hủy hoại rừng nói riêng. Tuy nhiên, việc áp dụng pháp luật đối với tội hủy hoại rừng cũng còn nhiều hạn chế, bất cập: Các văn bản pháp luật quy định chưa đồng bộ, thống nhất; chưa có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng; biện pháp áp dụng pháp luật chưa triệt để, nghiêm minh làm ảnh hưởng đến kết quả thi hành pháp luật đối với tội này.

Trong thời gian qua, số vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng trên phạm vi cả nước ngày càng tăng, chỉ tính từ năm 2013 đến năm 2017, cả nước đã có hơn 35.000 ha rừng bị chặt phá, hủy hoại trái phép, trung bình mỗi năm từ năm 2013 đến 2017 có hơn 32.500 vụ vi phạm pháp luật bảo vệ và phát triển rừng. Xuất phát từ nhiều nguyên nhân và một trong những nguyên nhân quan trọng

là từ chính hoạt động của con người gây ra, từ các quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng còn nhiều hạn chế, bất cập.

Về thực tiễn tại tỉnh Bình Định, diện tích rừng bị hủy hoại từ năm 2013 đến năm 2017 hơn 1.400 ha, trong đó, số vụ vi phạm pháp luật về hủy hoại rừng bị xử lý hình sự trung bình 06 vụ/mỗi năm từ năm 2013 đến năm 2017. Tại Bình Định vẫn còn tồn tại một số “điểm nóng” về hủy hoại rừng, tồn tại những khó khăn, vướng mắc trong áp dụng pháp luật hình sự và pháp luật chuyên ngành, cần nghiên cứu kiến nghị phương hướng hoàn thiện pháp luật trong đấu tranh phòng, chống tội phạm hủy hoại rừng, nên tác giả chọn đề tài: “*Tội hủy hoại rừng theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Định*” làm đề tài Luận văn Thạc sĩ Luật Hình sự và Tố tụng hình sự.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

2.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

- Về sách bình luận khoa học Luật Hình sự như:

+ Bình luận khoa học *Bộ luật Hình sự năm 1999, Phần các tội phạm* của nhóm tác giả Phùng Thế Vác, Trần Văn Luyện, Phạm Thanh Bình, Nguyễn Đức Mai, Nguyễn Sĩ Đại, Nguyễn Mai Bộ, Nxb Công an nhân dân, năm 2001.

Nội dung của sách tập trung phân tích các tội cụ thể trong Bộ luật Hình sự năm 1999 theo từng Chương tương ứng. Trong đó, phân tích các dấu hiệu pháp lý của tội hủy hoại rừng như khách thể, chủ thể, mặt chủ quan, mặt khách quan giúp cho tôi hiểu một cách khái quát tội này để làm nền tảng cho việc nghiên cứu Luận văn.

+ Bình luận khoa học *Bộ luật Hình sự - Phần các tội phạm, Tập VIII* của tác giả Đinh Văn Quế, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, năm 2005.

Trong nội dung bình luận, tác giả đã phân tích các dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính và các tội phạm về môi trường, trong đó có tội hủy hoại rừng trong Bộ luật Hình sự năm 1999. Tác giả cung cấp cho tôi những nội dung cơ bản về các dấu hiệu pháp lý của tội hủy hoại rừng theo quan điểm cá nhân của tác giả, từ đó giúp tôi có cái nhìn cơ bản về tội hủy hoại rừng.

- Về Luận văn Thạc sĩ gồm:

+ Luận văn Thạc sĩ Luật học “*Bảo vệ tài nguyên rừng bằng pháp luật hình sự ở Việt Nam*” của tác giả Bạch Xuân Hòa, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2014.

+ Luận văn Thạc sĩ Luật học “*Tội hủy hoại rừng trong Luật Hình sự Việt Nam*” của tác giả Bùi Thế Phương, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, năm 2015.

+ Luận văn Thạc sĩ Luật học “*Tội hủy hoại rừng theo Luật Hình sự Việt Nam từ thực tiễn huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam*” của tác giả Đào Bội Nhân, Học viện Khoa học xã hội, năm 2017.

Trong nội dung của các Luận văn, các tác giả đi vào phân tích các vấn đề lý luận của các quy định pháp luật hình sự về bảo vệ rừng như lịch sử hình thành và phát triển của các tội phạm xâm hại đến tài nguyên rừng; nghiên cứu quy định và thực trạng áp dụng các quy định về bảo vệ tài nguyên rừng, trong đó có tội hủy hoại rừng. Từ đó, các tác giả đưa ra một số kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự trong bảo vệ tài nguyên rừng, trong đó có một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung cho tội hủy hoại rừng. Các Luận văn đã cung cấp cho tôi một số kiến thức làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu đề tài về tội hủy hoại rừng.

2.2. Tình hình nghiên cứu nước ngoài

- Bài viết “*Criminal justice response to wildlife and forest crime in Cambodia*” của tổ chức United Nations Office on Drugs and Crime (UNODC), Cambodia, năm 2015.

Nội dung bài viết giúp cho tôi có cái nhìn tổng quan về pháp luật hình sự của Campuchia thông qua việc bài viết phân tích, đánh giá diễn biến tình hình tội phạm xâm hại môi trường, hủy hoại rừng và động vật hoang dã, cũng như những vấn đề còn bất cập, khó khăn trong quy định và thực tiễn áp dụng các quy định về tội phạm xâm hại môi trường, hủy hoại rừng và động vật hoang dã tại Campuchia.

- Bài viết “*Environmental Criminal Law in China: A Critical Analysis*” của tác giả Michael G. Faure, Hao Zhang, China, năm 2011.

Tác giả đã cung cấp một số vấn đề lý luận trong pháp luật hình sự Trung Quốc về tội phạm môi trường, tội phá hoại tài nguyên rừng như về chủ thể, hành vi khách quan, hậu quả... và một số hạn chế trong quá trình áp dụng quy định về tội phạm môi trường, đây là cơ sở giúp tôi tìm hiểu rõ hơn quy định của pháp luật hình sự Trung Quốc về tội hủy hoại rừng mà Luận văn đang nghiên cứu.

Tóm lại, việc xem xét tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về tội hủy hoại rừng sẽ giúp cho đề tài Luận văn mà tác giả nghiên cứu được toàn diện, đầy đủ và đưa ra các kiến nghị phù hợp hơn, có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

- Do tính chất quan trọng của rừng và thực trạng công tác phòng, chống tội phạm này trong thực tiễn chưa hiệu quả, diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp, ảnh hưởng đến khí hậu, kinh tế và đời sống xã hội nên việc nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả công tác trên.

- Đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi trên cơ sở tìm hiểu, phân tích các khía cạnh pháp lý, dấu hiệu của tội hủy hoại rừng.

- Đánh giá sự phù hợp giữa quy định pháp luật trong mối tương quan với sự phát triển kinh tế - xã hội, thực tiễn thi hành quy định này trên địa bàn tỉnh Bình Định để đưa ra những giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự về tội hủy hoại rừng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, Luận văn đặt ra và giải quyết các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Nghiên cứu và làm rõ những vấn đề lý luận chung về tội hủy hoại rừng.

- Phân tích thực tiễn cũng như những vướng mắc trong quy định và áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng.

- Nghiên cứu đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu các quy định pháp luật hình sự và thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội hủy hoại rừng.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Luận văn nghiên cứu tội hủy hoại rừng trên phạm vi tỉnh Bình Định.

- Về thời gian: Luận văn nghiên cứu các số liệu tội hủy hoại rừng từ năm 2013 đến năm 2017.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của việc nghiên cứu đề tài là cơ sở lý luận của phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền, về đấu tranh phòng, chống tội phạm.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để phục vụ cho việc nghiên cứu, Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh, phương pháp lịch sử, phương pháp nghiên cứu điển hình.

- Phương pháp phân tích và tổng hợp được sử dụng để tiến hành phân tích và tổng hợp một cách khái quát các nội dung cần nghiên cứu trong Luận văn. Qua đó, phân tích thành từng vấn đề để tìm hiểu cụ thể quy định về tội hủy hoại rừng. Đồng thời, Luận văn tiến hành tổng hợp từng vấn đề lý luận đã phân tích, nhằm xây dựng một số lý luận mới đầy đủ và cụ thể về tội hủy hoại rừng.

- Phương pháp thống kê được sử dụng để thu thập và tổng hợp các số liệu về thực trạng áp dụng của tội hủy hoại rừng nhằm đánh giá tình hình tội phạm hủy hoại rừng.

- Phương pháp so sánh được sử dụng để làm rõ những điểm giống nhau và khác nhau trong quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành về tội hủy hoại rừng với các giai đoạn trước đó, với các tội phạm khác, để từ đó rút ra được những ưu điểm

và hạn chế trong quy định về tội hủy hoại rừng.

- Phương pháp lịch sử được sử dụng để tìm hiểu tiến trình hình thành và phát triển qua từng thời kỳ của quy định pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình được sử dụng để đưa ra một số vụ án điển hình, nhằm phân tích làm rõ thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cũng như thực tiễn về tội hủy hoại rừng, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Các kết quả nghiên cứu của Luận văn có thể là tài liệu tham khảo có giá trị cho các cơ quan Nhà nước thực hiện việc hoàn thiện hơn quy định về tội hủy hoại rừng, góp phần giải quyết những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự về tội hủy hoại rừng tại tỉnh Bình Định.

- Những kết quả nghiên cứu của Luận văn đạt được còn có thể làm tài liệu tham khảo cho các công trình nghiên cứu tiếp theo của chính học viên và cho những người có quan tâm trong quá trình công tác, học tập và nghiên cứu.

7. Kết cấu của Luận văn

Ngoài phần mục lục, danh mục các chữ viết tắt, danh mục các bảng biểu, mở đầu, danh mục tài liệu tham khảo, kết luận, nội dung Luận văn được cấu trúc thành ba chương:

Chương 1. Một số vấn đề chung về tội hủy hoại rừng theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam.

Chương 2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng tại tỉnh Bình Định.

Chương 3. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng tại tỉnh Bình Định.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI HỦY HOẠI RỪNG

1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội hủy hoại rừng

1.1.1. Khái niệm tội hủy hoại rừng

Môi trường thế giới nói chung và môi trường nước ta nói riêng đang bị suy thoái và ô nhiễm nặng nề. Trong những năm gần đây, chất lượng môi trường ngày càng trở nên xấu hơn, nguyên nhân do biến đổi khí hậu, do thiên tai xảy ra gây thiệt hại ngày càng lớn cùng với hành vi hủy hoại môi trường của con người. Do đó, bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ngăn chặn các hành vi xâm hại đến môi trường trở thành vấn đề cấp bách. Trong đó, tội phạm về môi trường là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do những người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện, xâm hại đến sự bền vững và ổn định của môi trường; xâm hại đến các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ môi trường, gây ra những hậu quả xấu đối với môi trường sinh thái.

Hủy hoại rừng là một trong các tội phạm về môi trường, theo khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 (sau đây gọi là Luật BVMT năm 2014) quy định: “*Môi trường là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật. Thành phần môi trường là yếu tố vật chất tạo thành môi trường gồm đất, nước, không khí, âm thanh, ánh sáng, sinh vật và các hình thái vật chất khác*”. Do đó, để hiểu được khái niệm thế nào là tội hủy hoại rừng thì cần hiểu khái niệm rừng và hủy hoại rừng:

Theo khoản 1 Điều 3 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 (sau đây gọi là Luật BV&PTR năm 2004) quy định: “*Rừng là một hệ sinh thái bao gồm quần thể thực vật rừng, động vật rừng, vi sinh vật rừng, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó cây gỗ, tre nứa hoặc hệ thực vật đặc trưng là thành phần chính có độ che phủ của tán rừng từ 0,1 trở lên. Rừng gồm rừng trồng và rừng tự nhiên trên đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng*”.

Theo Từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học [99, tr. 416] thì “*hủy hoại*” có nghĩa là làm cho hư hỏng đi, phá đi, cho tan nát. Theo quy định của pháp luật nước ta thì rừng là một loại tài sản. Do đó, để hiểu được hành vi hủy hoại rừng thì cần hiểu thế nào là hành vi hủy hoại tài sản. Theo Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học của trường Đại học Luật Hà Nội, định nghĩa “*hủy hoại tài sản*” là cố ý làm cho tài sản mất giá trị sử dụng ở mức độ không còn hoặc khó có khả năng khôi phục lại được. Hủy hoại tài sản có thể qua hành động (như đập phá, đốt...) hoặc không qua hành động (như cố ý không tắt máy, ngắt điện khi có sự cố dẫn đến máy bị hư hỏng hoàn toàn...). Như vậy, “*hủy hoại rừng*” là hành vi cố ý làm cho nguồn tài nguyên rừng, cây rừng bị hủy hoại, bị chết hàng loạt. Hành vi hủy hoại rừng là những hành vi cố ý đốt, phá rừng trái phép hoặc có những hành vi khác làm cho rừng bị tan nát, bị hư hỏng, bị diệt phá và cây rừng bị chết hàng loạt [23, tr. 7], làm cho diện tích rừng và giá trị lâm sản bị thiệt hại.

Theo định nghĩa nội dung về tội phạm, thì “*tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, có lỗi, trái pháp luật hình sự và phải chịu hình phạt*”. [43, tr. 60]. Dựa trên định nghĩa tội phạm, có thể đưa ra khái niệm tội hủy hoại rừng như sau: “*Tội hủy hoại rừng là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, được thực hiện một cách cố ý như đốt, phá rừng trái phép hoặc hành vi khác, làm cho rừng mất hoàn toàn giá trị hoặc làm cho rừng giảm giá trị đáng kể, xâm phạm các quan hệ xã hội về bảo vệ rừng của Nhà nước, gây thiệt hại cho môi trường sinh thái*”. [24, tr. 12]. Từ định nghĩa trên cho thấy tội hủy hoại rừng có các dấu hiệu của tội phạm theo quy định của pháp luật hình sự như sau:

- Thứ nhất, về tính nguy hiểm cho xã hội của tội hủy hoại rừng được hiểu là những hành vi cố ý đốt, phá rừng trái phép hoặc có những hành vi khác làm cho rừng bị hủy hoại, bị hư hỏng và cây rừng bị chết hàng loạt, từ đó dẫn đến hậu quả nghiêm trọng về mặt môi trường sinh thái, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của rừng nói riêng, môi trường nói chung, đây là những quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ. Qua đó, có thể thấy hành vi hủy hoại rừng là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Tuy nhiên, không phải hành vi hủy hoại rừng nào cũng được xem là tội

phạm, mà hành vi phải nghiêm trọng đến mức chịu trách nhiệm hình sự (sau đây gọi là TNHS) (hay còn gọi là hành vi gây nguy hiểm đáng kể [26, tr. 12] cho xã hội thì mới phải chịu TNHS) và tính nguy hiểm cho xã hội là thuộc tính mang tính khách quan của tội hủy hoại rừng. [43, tr. 62-64].

- *Thứ hai*, về tính có lỗi của tội hủy hoại rừng, đó là thái độ tâm lý đối với hành vi phạm tội hủy hoại rừng do người có năng lực TNHS thực hiện và đối với hậu quả của hành vi đó, được thực hiện dưới hình thức cố ý, có thể là cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp [43, tr. 65-66], trái với các chuẩn mực của xã hội, trái với các quy định về bảo vệ và phát triển rừng mà Nhà nước đã đặt ra.

- *Thứ ba*, về tính trái pháp luật hình sự của tội này được hiểu là tội hủy hoại rừng phải được quy định trong Bộ luật Hình sự (sau đây gọi là BLHS), đây là biểu hiện của nguyên tắc pháp chế thể hiện tại Điều 2 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi là BLHS năm 2015) quy định: “*Chỉ người nào phạm một tội đã được BLHS quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này mới phải chịu trách nhiệm hình sự*”, tính trái pháp luật hình sự chính là hình thức pháp lý của tính nguy hiểm cho xã hội của tội hủy hoại rừng, giữa hai đặc tính này có mối quan hệ chặt chẽ, gắn liền với nhau, thể hiện thông qua việc đe dọa áp dụng chế tài hình sự đối với người thực hiện hành vi hủy hoại rừng với mức nguy hiểm đáng kể. Theo đó, hành vi hủy hoại rừng tuy nguy hiểm cho xã hội nhưng chưa được BLHS quy định thì hành vi này không phải là tội phạm, đồng thời, nếu hành vi hủy hoại rừng được quy định trong BLHS nhưng không phải là hành vi nguy hiểm đáng kể thì cũng không phải là tội phạm. [43, tr. 66-68].

- *Thứ tư*, về tính phải chịu hình phạt của tội này được hiểu là hành vi hủy hoại rừng gây nguy hiểm đáng kể cho xã hội khi đủ các yếu tố cấu thành tội phạm được BLHS quy định là tội phạm, thì có khả năng bị áp dụng hình phạt, thể hiện sự đe dọa áp dụng việc trừng phạt bằng các chế tài hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội hủy hoại rừng. Hình phạt đối với hành vi hủy hoại rừng chính là hình thức thể hiện bản chất nguy hiểm của tội hủy hoại rừng, thể hiện tính cưỡng

chế Nhà nước nghiêm khắc nhất nhằm răn đe và phòng ngừa đối với loại hành vi nguy hiểm đáng kể này [43, tr. 68-70]. Giữa tính phải chịu hình phạt với các đặc tính ở trên có mối quan hệ với nhau, qua đó tạo cơ sở để phân biệt tội hủy hoại rừng với hành vi hủy hoại rừng vi phạm pháp luật khác không bị xử lý bằng chế tài nghiêm khắc của pháp luật hình sự.

Từ khái niệm tội hủy hoại rừng như đã phân tích ở trên cho thấy tội hủy hoại rừng mang đầy đủ các dấu hiệu chung của tội phạm được quy định trong BLHS năm 2015. Đây là tiền đề, nội dung quan trọng để Luận văn phân tích các dấu hiệu pháp lý của tội hủy hoại rừng theo quy định tại Điều 243 BLHS năm 2015.

1.1.2. Các dấu hiệu pháp lý của tội hủy hoại rừng

Theo quy định tại Điều 243 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi là BLHS năm 2015) thì tội hủy hoại rừng có các dấu hiệu pháp lý như sau:

1.1.2.1. Các quy định về cấu thành tội phạm của tội hủy hoại rừng

Điều 243 BLHS năm 2015 quy định tội hủy hoại rừng với 5 điều khoản gồm: Khoản 1 quy định các dấu hiệu định tội của tội hủy hoại rừng; khoản 2 và khoản 3 quy định các dấu hiệu định khung hình phạt; khoản 4 quy định hình phạt bổ sung là tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; khoản 5 quy định TNHS là pháp nhân thương mại, đây là lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp nước ta BLHS năm 2015 đã đưa chủ thể pháp nhân thương mại vào chịu TNHS đối với tội hủy hoại rừng.

Để một hành vi vi phạm pháp luật và hành vi đó bị truy cứu TNHS, bị coi là tội phạm thì phải đủ 04 yếu tố cấu thành tội phạm là: Khách thể, chủ thể, mặt khách quan, mặt chủ quan; 04 yếu tố này có nội dung quy định khác nhau, sự khác nhau về nội dung quyết định tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và được áp dụng ở một khung hình phạt nhất định tương ứng của điều luật cho hành vi phạm tội đó. Tội hủy hoại rừng được quy định tại Điều 243 BLHS năm 2015 là một tội phạm cụ thể thuộc nhóm tội phạm về môi trường nên có đầy đủ các dấu hiệu định tội và các dấu hiệu định khung hình phạt.

** Các dấu hiệu định tội*

- *Khách thể của tội hủy hoại rừng:*

Tội hủy hoại rừng xâm phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm phạm đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Đối tượng tác động trực tiếp là rừng tự nhiên hoặc rừng trồng trên đất lâm nghiệp (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất).

Khách thể của tội hủy hoại rừng là quan hệ xã hội được pháp luật hình sự quy định, bảo vệ và bị các hành vi: Đốt rừng trái phép, phá rừng trái phép, hành vi khác hủy hoại rừng, xâm phạm đến chế độ quản lý, bảo vệ môi trường, xâm phạm đến chế độ bảo vệ và phát triển rừng của Nhà nước.

Theo khoản 1 Điều 3 Luật BVMT năm 2014 quy định “*Môi trường là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật*”. Theo Luật Hình sự Việt Nam, khách thể của tội phạm môi trường là những quan hệ xã hội về giữ gìn môi trường trong sạch, sử dụng hợp lý những tài nguyên và đảm bảo môi trường cho dân cư.

Đối tượng tác động của tội phạm, thể hiện hành vi phạm tội tác động đến sẽ gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ [38, tr. 94]. Theo quy định tại Điều 243 BLHS năm 2015 thì đối tượng tác động trực tiếp của hành vi hủy hoại rừng bao gồm: Cây trồng chưa thành rừng, rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng, rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA, IIA có mức định lượng về diện tích hoặc giá trị lâm sản bị thiệt hại theo quy định. Đây là những yếu tố tạo thành môi trường, được pháp luật hình sự bảo vệ, là đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng.

Tuy nhiên, cần phân biệt rừng là đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng với rừng là đối tượng tác động của các tội xâm phạm sở hữu, đó là:

Theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 3, khoản 4 Điều 6 Luật BV&PTR năm 2004; Điều 158 Bộ luật Dân sự năm 2015, khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có quyết định trao quyền sử dụng rừng cho chủ rừng thông qua hình thức

giao rừng; cho thuê rừng; công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng thì tổ chức, tập thể, hộ gia đình, cá nhân trở thành chủ rừng và có quyền sở hữu đối với diện tích rừng được giao với ba quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 11 Luật BV&PTR năm 2004, trên phần diện tích rừng đã được Nhà nước công nhận quyền sở hữu; nguồn vốn để chăm sóc, trồng trọt, bảo vệ và phát triển rừng không từ nguồn vốn ngân sách của Nhà nước, mà do chính tổ chức, tập thể, hộ gia đình, cá nhân bỏ vốn đầu tư và phát triển. Theo đó có thể hiểu, tuy cũng là rừng, nhưng rừng này thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức được Nhà nước giao chăm sóc, quản lý và họ đã bỏ vốn đầu tư phát triển hướng tới mục đích kinh tế. Cho nên, nếu có hành vi hủy hoại rừng mà không phải do chủ rừng thực hiện thì sẽ tác động đến quyền sở hữu tài sản của chủ rừng, thì lúc này rừng trở thành đối tượng tác động của tội phạm xâm phạm về sở hữu, hành vi phạm tội sẽ bị truy cứu TNHS theo các điều luật tương ứng quy định tại Chương XVI - Các tội xâm phạm sở hữu của BLHS năm 2015, cụ thể là tội hủy hoại tài sản được quy định tại Điều 178 BLHS năm 2015. [24, tr. 16].

Còn đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng là rừng nói chung, do Nhà nước quản lý hoặc giao cho cơ quan, tổ chức quản lý như chính quyền địa phương, các lâm trường, cá nhân, hộ gia đình, tổ chức chăm sóc, bảo vệ, nguồn vốn đầu tư chăm sóc, trồng trọt và bảo vệ là từ nguồn ngân sách của Nhà nước hoặc do cá nhân, tổ chức, hộ gia đình bỏ ra đầu tư. Do đó, nếu chủ thể nào đó có hành vi hủy hoại rừng do Nhà nước đầu tư từ nguồn ngân sách, hoặc trong trường hợp chính chủ rừng có hành vi hủy hoại rừng đã được Nhà nước trao quyền sử dụng, quản lý và chủ rừng đã bỏ vốn đầu tư, phát triển rừng thì nguy cơ tác động xấu đến sự ổn định và tồn tại, phát triển bình thường của môi trường, đến sự quản lý của Nhà nước về rừng thì thuộc đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng quy định tại Điều 243 BLHS năm 2015. [24, tr. 16].

So với Điều 189 BLHS năm 1999 thì khách thể của tội hủy hoại rừng tại Điều 243 BLHS năm 2015 được quy định trực tiếp trong điều luật, quy định cụ thể, chi tiết hơn đối tượng tác động trực tiếp của tội hủy hoại rừng là cây trồng chưa

thành rừng, rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng, rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA, IIA với mức định lượng cụ thể về diện tích hoặc giá trị lâm sản bị thiệt hại theo quy định của điều luật. Còn khách thể của tội hủy hoại rừng quy định tại Điều 189 BLHS năm 1999 không quy định rõ trong điều luật mà cần phải viện dẫn, hướng dẫn tại mục 3, phần IV Thông tư 19/2007/TTLT. Tuy nhiên, quy định tại Thông tư 19/2007/TTLT cũng chưa rõ ràng nên việc xác định khách thể của Điều 189 BLHS năm 1999 gặp nhiều khó khăn trong thực tiễn áp dụng.

- *Chủ thể của tội hủy hoại rừng:*

Theo quy định tại Điều 9, Điều 12 BLHS năm 2015 thì chủ thể của tội hủy hoại rừng quy định tại Điều 243 BLHS năm 2015 là bất kỳ người nào có năng lực TNHS (kể cả chủ rừng trong trường hợp họ vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ rừng ngay trong khu vực do họ trồng hoặc được giao quản lý) hoặc pháp nhân thương mại đủ điều kiện chịu TNHS. Theo đó, người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS đối với mọi hành vi được quy định tại Điều 243 và chủ thể là pháp nhân thương mại phải chịu TNHS khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 75 BLHS năm 2015 là: Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại; Chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của BLHS năm 2015.

Đồng thời, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 243 BLHS năm 2015, đối với tội hủy hoại rừng, nhân thân người phạm tội có ý nghĩa quan trọng trong việc định tội danh. Điểm g khoản 1 quy định trường hợp cấu thành tội này đòi hỏi người phạm tội phải có dấu hiệu đặc điểm về nhân thân là “*đã bị xử phạt vi phạm hành chính*” hoặc “*đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*”. Dấu hiệu “*đã bị XPVPHC*” được áp dụng độc lập, hay nói cách khác, người “*đã bị XPVPHC*” về hành vi hủy hoại rừng nếu tái phạm sau này, dù vi phạm chưa đủ mức

định lượng về diện tích hoặc giá trị lâm sản bị thiệt hại được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 243 để cấu thành tội phạm vẫn phải chịu TNHS khi trước đó chủ thể “*đã bị XPVPHC*” hoặc “*đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*” về hành vi hủy hoại rừng.

Theo BLHS năm 1999 thì chủ thể của tội hủy hoại rừng quy định tại Điều 189 là bất kỳ người nào có năng lực TNHS. Trong đó, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ chịu TNHS đối với hành vi phạm tội quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 189 BLHS; người 16 tuổi trở lên chịu TNHS đối với mọi hành vi được quy định tại Điều 189 BLHS. Đồng thời, nhân thân của người phạm tội chỉ có một dấu hiệu phản ánh đặc điểm xấu về nhân thân là “*đã bị XPHC về hành vi này mà còn vi phạm*”. Vì vậy, BLHS năm 1999 quy định chủ thể của tội hủy hoại rừng chỉ là cá nhân. Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, nhiều pháp nhân, doanh nghiệp đã thực hiện nhiều hành vi đốt, phá rừng gây thiệt hại rất lớn nhưng do BLHS năm 1999 chưa quy định vấn đề này nên việc xử lý trách nhiệm của các pháp nhân thương mại gặp nhiều khó khăn và thiếu hiệu quả. Trong khi đó, các chế tài hành chính với mức xử phạt tiền cao nhất đến 02 tỷ đồng đối với các pháp nhân thương mại không đảm bảo tính răn đe và không tương xứng với tính chất nghiêm trọng của các hành vi vi phạm. Ngoài ra, cơ chế kiện dân sự hiện nay cũng gây khó khăn đối với những người bị thiệt hại bởi các hành vi phạm tội của pháp nhân thương mại trong việc yêu cầu bồi thường như vấn đề chứng minh hậu quả của hành vi phạm tội và các thiệt hại xảy ra. Thực tiễn cho thấy trên cả nước hành vi hủy hoại rừng xảy ra ngày càng nghiêm trọng với quy mô, mức độ ngày càng lớn, chủ thể thực hiện hành vi hủy hoại rừng không chỉ là cá nhân mà còn có pháp nhân thương mại. Do đó, để đáp ứng với tình hình thực tiễn trong việc xử lý các chủ thể có hành vi hủy hoại rừng, khoản 5 Điều 243 BLHS năm 2015 đã xây dựng chủ thể tội phạm mới trong tội hủy hoại rừng là pháp nhân thương mại. Đây là điểm mới tiên bộ, phù hợp với xu thế Luật Hình sự của các nước trên thế giới của BLHS năm 2015 so với BLHS năm 1999, góp phần vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tránh bỏ lọt tội

phạm nói chung (cá nhân con người cụ thể và pháp nhân thương mại - sau đây gọi là chủ thể tội phạm) và tội hủy hoại rừng nói riêng.

- *Mặt khách quan của tội hủy hoại rừng:*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 243 BLHS năm 2015 thì hành vi hủy hoại rừng trong cấu thành tội phạm gồm:

Thứ nhất, các hành vi đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng. Theo quy định tại các tiểu mục 3.1, 3.2, 3.3, mục 3, phần IV Thông tư 19/2007/TTLT thì: Đốt rừng trái phép là hành vi cố ý làm cháy rừng với bất kỳ mục đích gì mà không được người hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép. Phá rừng trái phép là chặt phá rừng, ken cây và các hành vi khác trái pháp luật làm cho cây rừng bị chết với bất kỳ mục đích gì. Hành vi khác hủy hoại rừng là đào bới, nổ mìn, san ủi, đào, đắp ngăn nước thủy triều, tháo nước hoặc xả chất độc hại vào rừng trái pháp luật... làm cho cây rừng bị chết hàng loạt, đất rừng bị ô nhiễm.

Các hành vi đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng được quy định tại khoản 1 Điều 243 BLHS năm 2015 chỉ bị truy cứu TNHS nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ 30.000 mét vuông (m^2) đến dưới 50.000 mét vuông (m^2).

+ Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2). Rừng sản xuất được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh gỗ, lâm sản ngoài gỗ và kết hợp phòng hộ, góp phần bảo vệ môi trường, bao gồm: Rừng sản xuất là rừng tự nhiên; Rừng sản xuất là rừng trồng; Rừng giống gồm rừng trồng và rừng tự nhiên qua bình tuyển, công nhận. [32, tr. 7].

+ Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 mét vuông (m^2) đến dưới 7.000 mét vuông (m^2). Rừng phòng hộ được sử dụng chủ yếu để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, chống sa mạc hóa, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường, bao gồm: Rừng phòng hộ đầu nguồn; Rừng phòng hộ chắn gió,

chấn cát bay; Rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển; Rừng phòng hộ bảo vệ môi trường. [32, tr. 7].

+ Rừng đặc dụng có diện tích từ 1.000 mét vuông (m^2) đến dưới 3.000 mét vuông (m^2). Rừng đặc dụng được sử dụng chủ yếu để bảo tồn thiên nhiên, mẫu chuẩn hệ sinh thái rừng của quốc gia, nguồn gen sinh vật rừng; nghiên cứu khoa học; bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh; phục vụ nghỉ ngơi, du lịch, kết hợp phòng hộ, góp phần bảo vệ môi trường, bao gồm: Vườn quốc gia; Khu bảo tồn thiên nhiên gồm khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh; Khu bảo vệ cảnh quan gồm khu rừng di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh; Khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học. [32, tr. 8].

+ Gây thiệt hại về lâm sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng trong trường hợp rừng bị thiệt hại không tính được bằng diện tích.

+ Thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng; thực vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

Thứ hai, diện tích rừng hoặc trị giá lâm sản dưới mức quy định tại một trong các điểm nêu trên nhưng đã bị XPVPHC về một trong các hành vi quy định tại Điều 243 hoặc đã bị kết án về tội hủy hoại rừng, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Trường hợp đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng trồng, rừng khoanh nuôi tái sinh đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao cho tổ chức, tập thể, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp mà người được giao đã bỏ vốn đầu tư trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ... thì bị xử lý như sau: Nếu chủ rừng đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thì bị truy cứu TNHS theo Điều 243 BLHS. Nếu người đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng mà không phải là chủ rừng thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo các điều luật tương ứng quy định tại Chương XVI - Các tội xâm phạm sở hữu của BLHS. [1, tr. 8].

Về cơ bản mặt khách quan của tội hủy hoại rừng quy định tại Điều 189 BLHS năm 1999 và Điều 243 BLHS năm 2015 là giống nhau như: Hành vi khách quan là các hành vi đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng. Về dấu hiệu hậu quả và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, thì tội hủy hoại rừng là tội có cấu thành vật chất. Bên cạnh quy định “*đã bị XPVPHC*” như Điều 189 BLHS năm 1999 thì Điều 243 BLHS năm 2015 quy định thêm trường hợp “*đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*” trong trường hợp diện tích rừng hoặc trị giá lâm sản dưới mức quy định tại một trong các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 243 thì vẫn bị truy cứu TNHS, đây là quy định mới phù hợp với thực tiễn, đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp.

- *Mặt chủ quan của tội hủy hoại rừng:*

Đối với tội hủy hoại rừng, lỗi của người phạm tội này là lỗi cố ý. Chủ thể (cá nhân hoặc pháp nhân thương mại) thực hiện hành vi phạm tội này là cố ý (trực tiếp hoặc gián tiếp), chủ thể phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra hoặc tuy không mong muốn nhưng vẫn cố ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra. Điều này thể hiện ở tên tội danh “*hủy hoại*” và trong cách diễn đạt của điều luật. Khái niệm “*hủy hoại*” đã chứa đựng ý thức chủ quan của người có hành vi đốt, phá rừng. Cũng tương tự như tội “*hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản*” nhà làm luật chỉ quy định cố ý làm hư hỏng chứ không quy định cố ý hủy hoại. Do đó đối với các trường hợp vi phạm về phòng cháy, chữa cháy hoặc vô ý gây cháy rừng chỉ có thể bị truy cứu TNHS về tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản quy định tại Điều 232 BLHS năm 2015 chứ không thể truy cứu TNHS về tội hủy hoại rừng.

Về dấu hiệu động cơ phạm tội, mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc của tội hủy hoại rừng.

Mặt chủ quan của tội hủy hoại rừng được quy định tại Điều 243 BLHS năm 2015 so với Điều 189 BLHS năm 1999 không có gì thay đổi.

* *Các dấu hiệu định khung hình phạt*

Đối với tội hủy hoại rừng được quy định tại Điều 243 BLHS năm 2015, bên cạnh khung hình phạt cơ bản được quy định tại khoản 1 thì có hai khung hình phạt tăng nặng được ghi nhận tại khoản 2 và khoản 3 Điều 243 BLHS năm 2015. Để làm rõ dấu hiệu định khung tăng nặng, cần phải làm sáng tỏ một số tình tiết định khung tăng nặng đặc biệt bên cạnh những tình tiết định khung quy định về diện tích rừng bị hủy hoại và giá trị lâm sản bị gây thiệt hại được quy định tại khoản 2 Điều 243 BLHS năm 2015.

Cụ thể, theo quy định tại khoản 2 Điều 243 BLHS thì khung hình phạt này là phạt tù từ 03 năm đến 07 năm, áp dụng cho các trường hợp:

- Tình tiết “*Có tổ chức*” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 243, hiện nay pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng chưa có giải thích, hướng dẫn cho tình tiết này. Tuy nhiên, thông qua các quy định khác trong BLHS như tại khoản 2 Điều 17 BLHS năm 2015 quy định: “*Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm*” và theo hướng dẫn tại Nghị quyết 02-/HĐTP/NQ ngày 16/11/1988 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn bổ sung Nghị quyết số 02- HĐTP ngày 05/01/1986 thì phạm tội có tổ chức được giải thích là phải có từ hai người trở lên có ý cùng tham gia phạm tội và có sự nhất trí của những người cùng thực hiện tội phạm, phải có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm như những người đồng phạm đã tham gia một tổ chức phạm tội như: Đảng phái, hội, đoàn phản động, băng, ổ trộm, cướp... có những tên chỉ huy, cầm đầu. Tuy nhiên, cũng có khi tổ chức phạm tội không có những tên chỉ huy, cầm đầu mà chỉ là sự tập hợp những tên chuyên phạm tội đã thống nhất cùng nhau hoạt động phạm tội; hoặc những người đồng phạm đã cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch đã thống nhất trước; hoặc những người đồng phạm chỉ thực hiện tội phạm một lần, nhưng đã tổ chức thực hiện tội phạm theo một kế hoạch được tính toán kỹ càng, chu đáo, có chuẩn bị phương tiện và có khi chuẩn bị cả kế hoạch che giấu tội phạm. [18, tr. 1-2].

Khoản 2 Điều 243 BLHS năm 2015 xây dựng tình tiết định khung hình phạt tăng nặng cho tình tiết “*Có tổ chức*” với khung hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm,

là nhằm răn đe, trừng trị nghiêm khắc những người có hành vi hủy hoại rừng. Bởi lẽ, phạm tội có tổ chức thì tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như hậu quả gây ra là rất lớn.

- Tình tiết “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức*” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 243 BLHS năm 2015.

+ “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn*” là trường hợp người có chức vụ, quyền hạn trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản mà sử dụng chức vụ, quyền hạn được giao để thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 243, nghĩa là dựa vào quyền năng do chức vụ, quyền hạn mang lại để thực hiện hành vi phạm tội. Người có chức vụ, quyền hạn là người được tuyển dụng bằng hình thức hợp đồng hoặc được bổ nhiệm, điều động hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nắm giữ chức vụ cụ thể và gắn liền với chức vụ là quyền hạn cụ thể do Nhà nước quy định. Theo tác giả Đinh Văn Quế thì nếu những người này, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để hủy hoại rừng thì mới thuộc trường hợp lợi dụng chức vụ để phạm tội. Nếu có chức vụ, quyền hạn nhưng lại không lợi dụng chức vụ, quyền hạn để hủy hoại rừng thì không gọi là lợi dụng chức vụ [37, tr. 200-201]. Thông qua việc nắm giữ chức vụ đó, người có hành vi phạm tội đã lợi dụng chức vụ thực hiện quyền hạn trái với quy định. Như vậy, trong trường hợp này chức vụ, quyền hạn đã được người phạm tội sử dụng như một phương tiện cần thiết cho việc thực hiện tội phạm.

+ “*Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức*” là hành vi của người hiện đang là thành viên của cơ quan, tổ chức đó. Thông qua việc cơ quan tổ chức đang thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn luật định mà người này có hành vi lấy danh nghĩa cơ quan tổ chức đó để thực hiện hành vi phạm tội vì lợi ích cá nhân, làm người khác hiểu nhầm là người này đang thực hiện quyền hạn cho cơ quan, tổ chức.

BLHS năm 2015 quy định đây là một dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng bởi vì những người nắm giữ những chức vụ, có những quyền hạn trong việc quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng như trong việc hoạch định chính sách đầu tư,

trồng rừng, chăm sóc rừng; quản lý quy hoạch rừng, giao đất trồng rừng... nên có quyền năng trong việc chi phối, quyết định đến việc phát triển và bảo vệ rừng. Đồng thời, có khả năng biết được những kế hoạch, chính sách phát triển và bảo vệ rừng, có tính nguy hiểm cao hơn so với các trường hợp bình thường.

- Tình tiết “*Tái phạm nguy hiểm*” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 243 BLHS năm 2015, theo quy định tại Điều 53 BLHS năm 2015 thì trường hợp được coi là tái phạm nguy hiểm gồm: Đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý hoặc đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý hoặc thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý.

Khoản 2 Điều 243 BLHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung mới hoàn toàn so với khoản 2 Điều 189 BLHS năm 1999 là đã xây dựng thêm các tình tiết định khung hình phạt tăng nặng tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i; đây chính là các tình tiết thuộc các tình tiết “*Hủy hoại diện tích rừng rất lớn*”, “*Chặt phá các loại thực vật quý hiếm thuộc danh mục quy định của Chính phủ*”, “*Gây hậu quả rất nghiêm trọng*” quy định tại khoản 2 Điều 189 BLHS năm 1999 nhưng BLHS năm 2015 đã quy định cụ thể, rõ ràng, chi tiết không còn phụ thuộc vào Thông tư 19/2007/TTLT theo các căn cứ định tội định khung: “*Tái phạm nguy hiểm*” - lần đầu tiên quy định trong tội hủy hoại rừng; diện tích rừng bị thiệt hại; giá trị lâm sản bị thiệt hại.

Khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999 quy định 03 tình tiết định khung tăng nặng như “*Hủy hoại diện tích rừng đặc biệt lớn*”, “*Hủy hoại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng*”, “*Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” và 03 tình tiết định khung tăng nặng này Điều 189 BLHS năm 1999 chưa có quy định cụ thể, mà phải nghiên cứu tại mục 3, phần IV Thông tư 19/2007/TTLT nhưng cũng chưa hướng dẫn rõ ràng nên gây khó khăn cho hoạt động tiến hành tố tụng trong thực tế.

Khoản 3 Điều 243 BLHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung mới hoàn toàn các tình tiết định khung tăng nặng như xây dựng mới các điểm a, b, c, d, đ, e; bỏ các tình tiết định khung tăng nặng như “*Hủy hoại diện tích rừng đặc biệt lớn*”, “*Hủy hoại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng*”, “*Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” như quy định tại khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. Khoản 3 Điều 243 BLHS năm 2015 căn cứ vào diện tích rừng, giá trị lâm sản bị thiệt hại và thực vật thuộc danh mục quy định để làm căn cứ định tội theo khung tăng nặng, đây là sửa đổi, bổ sung thể hiện kỹ thuật lập pháp cao của BLHS năm 2015, thuận lợi trong quá trình áp dụng luật vào thực tiễn, không phải phụ thuộc vào các văn bản hướng dẫn đã bộc lộ nhiều mâu thuẫn, thiếu sót, bất cập trong quá trình áp dụng vào thực tiễn.

1.1.2.2. Các quy định về hình phạt đối với tội hủy hoại rừng

* *Quy định về hình phạt chính*

Khoản 1 Điều 189 BLHS năm 1999 quy định hình phạt gồm: Bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm; khoản 2 Điều 189 BLHS năm 1999 quy định hình phạt tù từ ba năm đến mười năm; khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999 quy định hình phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

BLHS năm 2015 quy định: Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp tại khoản 1 Điều 243, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp tại khoản 2 thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp tại khoản 3, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Ngoài ra, pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại khoản 5 Điều 243, thì bị phạt như sau:

- Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng. Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng. Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ

5.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm.

- Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

- Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

Như vậy, so với hình phạt quy định tại Điều 189 BLHS năm 1999, hình phạt quy định tại Điều 243 BLHS năm 2015 đã có sửa đổi mới theo hướng phù hợp hơn, khắc phục được phần nào biên độ dao động của khung hình phạt rộng tại Điều 189 BLHS năm 1999 tuy nhiên vẫn chưa có sự thay đổi nhiều. Theo đó, khoản 1 Điều 243 BLHS năm 2015 quy định phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; khoản 2 Điều 243 BLHS năm 2015 quy định phạt tù từ 03 năm đến 07 năm; khoản 3 Điều BLHS năm 2015 quy định phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Đặc biệt BLHS năm 2015 đã bổ sung TNHS của pháp nhân thương mại đối với một số tội phạm về môi trường nói chung và tội hủy hoại rừng nói riêng tại khoản 5 Điều 243 nêu trên. Theo đó pháp nhân thương mại phạm tội có thể bị phạt tiền (khi áp dụng hình phạt chính) đến 7.000.000.000 đồng, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn đến 03 năm hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Việc quy định TNHS của pháp nhân thương mại xuất phát từ thực tế trong những năm qua, không ít pháp nhân thương mại đã thực hiện nhiều hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng đặc biệt nghiêm trọng nhưng do BLHS năm 1999 chưa quy định TNHS của pháp nhân nên việc xử lý gặp nhiều khó khăn và không đạt hiệu quả. Cho nên việc bổ sung TNHS của pháp nhân thương mại của BLHS năm 2015 đối với tội hủy hoại rừng là bước tiến bộ đáng kể trong kỹ thuật lập pháp của nước ta.

** Quy định về hình phạt bổ sung*

Khoản 4 Điều 189 BLHS năm 1999 quy định về hình phạt bổ sung đối với người phạm tội hủy hoại rừng “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu*

đồng đến năm mươi triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”. So với khoản 4 Điều 189 BLHS năm 1999 thì khoản 4 Điều 243 BLHS năm 2015 đã có sửa đổi, bổ sung mới theo hướng tăng mức phạt tiền lên từ “20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”, đây là mức phạt tiền cao nhằm tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như đảm bảo ý nghĩa giáo dục, phòng ngừa của hình phạt, đảm bảo tính răn đe khi tác động trực tiếp vào mặt vật chất của người phạm tội.

Như vậy, so với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 đã có những bước tiến bộ đáng kể trong quá trình lập pháp, các quy định hình phạt của tội phạm môi trường nói chung, quy định hình phạt tại Điều 243 BLHS năm 2015 nói riêng cơ bản góp phần tăng cường hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm hủy hoại rừng.

1.2. Phân biệt tội hủy hoại rừng với một số tội phạm khác

1.2.1. Tội hủy hoại rừng (Điều 243) với tội hủy hoại tài sản (Điều 178)

- *Thứ nhất*, khách thể của tội hủy hoại tài sản là quyền sở hữu của Nhà nước, tổ chức, cá nhân, cụ thể là xâm phạm đến các quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản của chủ sở hữu. Đối tượng tác động là tài sản. Tội hủy hoại tài sản được quy định tại Chương XVI - Các tội xâm phạm sở hữu của BLHS năm 2015.

Đối với tội hủy hoại rừng thì khách thể là xâm phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm phạm đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Đối tượng tác động trực tiếp là rừng tự nhiên hoặc rừng trồng trên đất lâm nghiệp (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất). Tội hủy hoại rừng được quy định tại Chương XIX - Các tội phạm về môi trường của BLHS năm 2015.

- *Thứ hai*, chủ thể của tội hủy hoại tài sản là người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về tội phạm quy định tại Điều 178 BLHS năm 2015. Tuy nhiên, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu TNHS quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 178 BLHS năm 2015.

Chủ thể của tội hủy hoại rừng quy định tại Điều 243 BLHS năm 2015 là bất kỳ người nào có năng lực TNHS hoặc pháp nhân thương mại đủ điều kiện chịu TNHS. Theo đó, người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS đối với mọi hành vi

được quy định tại Điều 243 và chủ thể là pháp nhân thương mại phải chịu TNHS khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 75 BLHS năm 2015.

- *Thứ ba*, mặt khách quan của tội hủy hoại tài sản được thực hiện bằng các hành vi phá, đập, đốt... tài sản làm cho tài sản mất hoàn toàn giá trị sử dụng hoặc làm mất một phần giá trị sử dụng của tài sản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 178 BLHS năm 2015 thì những hành vi trên chỉ bị coi là tội phạm nếu tài sản bị hủy hoại có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 điều này.

Đối với tội hủy hoại rừng hành vi khách quan là các hành vi đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng. Các hành vi khách quan của tội hủy hoại rừng xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ sự phát triển và hoạt động bình thường của môi trường sinh thái.

- *Thứ tư*, về hình phạt, đối với hình phạt tù, tội hủy hoại tài sản quy định mức phạt cao nhất đến 20 năm, còn tội hủy hoại rừng quy định mức phạt cao nhất đến 15 năm.

Đối với hình phạt tiền (gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung) thì tội hủy hoại rừng có mức hình phạt tiền cao hơn so với hình phạt tiền trong tội hủy hoại tài sản. Cụ thể: Hình phạt tiền là hình phạt chính trong tội hủy hoại rừng từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, hình phạt tiền là hình phạt bổ sung từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Đối với hình phạt tiền là hình phạt chính trong tội hủy hoại tài sản từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, hình phạt tiền là hình phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Ngoài ra, tội hủy hoại rừng quy định mức hình phạt đối với chủ thể là pháp nhân thương mại phạm tội.

1.2.2. Tội hủy hoại rừng (Điều 243) với tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản (Điều 232)

- *Thứ nhất*, khách thể của tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản là hành vi xâm phạm các quy định của Nhà nước về quản lý, khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Nhà nước quản lý, đảm bảo sự ổn định và phát triển của nền

kinh tế nên Điều 232 được quy định tại Chương XVIII - Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của BLHS năm 2015.

Đối với tội hủy hoại rừng thì khách thể là xâm phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm phạm đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái nên tội hủy hoại rừng được quy định tại Chương XIX - Các tội phạm về môi trường của BLHS năm 2015.

- *Thứ hai*, về mặt khách quan thì tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản được thực hiện bằng một trong các hành vi phạm tội đủ mức khối lượng hoặc trị giá thiệt hại được quy định tại điểm a đến điểm 1 khoản 1 của điều này. Hoặc khai thác, tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép gỗ hoặc thực vật rừng ngoài gỗ có khối lượng hoặc trị giá dưới mức quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm 1 khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Các hành vi trên chỉ cấu thành tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản nếu không thuộc trường hợp phạm tội hủy hoại rừng theo quy định tại Điều 243 BLHS năm 2015.

Đối với tội hủy hoại rừng hành vi khách quan là các hành vi đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng. Các hành vi khách quan của tội hủy hoại rừng xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ sự phát triển và hoạt động bình thường của môi trường sinh thái.

- *Thứ ba*, về hình phạt, đối với hình phạt tù, tội hủy hoại rừng quy định mức hình phạt cao nhất đến 15 năm, còn tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản mức hình phạt cao nhất đến 10 năm.

Đối với hình phạt tiền (gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung) thì tội hủy hoại rừng có mức hình phạt tiền cao hơn so với hình phạt tiền của tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Cụ thể: Hình phạt tiền là hình phạt chính trong tội hủy hoại rừng từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, hình phạt tiền là hình phạt bổ sung từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Đối với hình phạt tiền

là hình phạt chính của tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản là phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, hình phạt tiền là hình phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Trong tội hủy hoại rừng còn quy định hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Đồng thời mức hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội hủy hoại rừng cũng cao hơn so với tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Qua đó, cho thấy tính chất, mức độ nguy hiểm của tội hủy hoại rừng so với tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản cao hơn và quy định hình phạt nghiêm khắc hơn.

1.2.3. Tội hủy hoại rừng (Điều 243) với tội vi phạm quy định về quản lý rừng (Điều 233)

- *Thứ nhất*, khách thể của tội vi phạm quy định về quản lý rừng là trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực giao rừng, đất trồng rừng; thu hồi rừng, đất trồng rừng; cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng, đất trồng rừng; cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản. Đối tượng tác động của tội phạm này là rừng và các lâm sản từ rừng nên Điều 233 được quy định tại Chương XVIII - Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của BLHS năm 2015.

Đối với tội hủy hoại rừng thì khách thể là xâm phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm phạm đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Đối tượng tác động trực tiếp là rừng tự nhiên hoặc rừng trồng trên đất lâm nghiệp (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất). Tội hủy hoại rừng được quy định tại Chương XIX - Các tội phạm về môi trường của BLHS năm 2015.

- *Thứ hai*, về chủ thể thì tội vi phạm quy định về quản lý rừng là chủ thể đặc biệt, phải là người có chức vụ, quyền hạn liên quan đến việc giao rừng, đất trồng rừng; thu hồi rừng, đất trồng rừng; cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng, đất trồng rừng; cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản mới là chủ thể của tội này. Đối với người khác cũng có thể là chủ thể nhưng họ chỉ là đồng phạm trong vụ án có đồng phạm.

Đối với chủ thể của tội hủy hoại rừng quy định tại Điều 243 BLHS năm 2015 là bất kỳ người nào có năng lực TNHS hoặc pháp nhân thương mại đủ điều kiện chịu TNHS. Theo đó, người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS đối với mọi hành vi được quy định tại Điều 243 và chủ thể là pháp nhân thương mại phải chịu TNHS khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 75 BLHS năm 2015.

- *Thứ ba*, mặt khách quan thì tội vi phạm quy định về quản lý rừng được thể hiện: Người phạm tội lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn để giao rừng, đất trồng rừng; thu hồi rừng, đất trồng rừng; cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng, đất trồng rừng; cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật. Đối với tội này, người phạm tội đã lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi phạm tội vì mục đích kinh tế.

Đối với tội hủy hoại rừng thì hành vi khách quan xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ sự phát triển và hoạt động bình thường của môi trường sinh thái.

- *Thứ tư*, về hình phạt, tội hủy hoại rừng có mức khung hình phạt cao hơn tội vi phạm quy định về quản lý rừng, đối với hình phạt tù tội hủy hoại rừng quy định mức hình phạt cao nhất đến 15 năm, còn tội vi phạm quy định về quản lý rừng mức hình phạt cao nhất đến 12 năm.

Đối với hình phạt tiền là hình phạt chính thì tội hủy hoại rừng từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, hình phạt tiền là hình phạt bổ sung từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; còn tội vi phạm quy định về quản lý rừng chỉ quy định hình phạt tiền là hình phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Trong tội hủy hoại rừng còn quy định hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm; còn tội vi phạm quy định về quản lý rừng thì quy định cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Đồng thời tội hủy hoại rừng quy định mức hình phạt đối với chủ thể là pháp nhân thương mại phạm tội. Qua đó, cho thấy tính chất, mức độ nguy hiểm của tội hủy hoại rừng so với tội vi phạm quy định về quản lý rừng cao hơn và quy định hình phạt nghiêm khắc hơn.

Việc phân biệt tội hủy hoại rừng (Điều 243) với tội hủy hoại tài sản (Điều 178); Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản (Điều 232); Tội vi phạm quy định về quản lý rừng (Điều 233) có ý nghĩa quan trọng, là cơ sở để các cơ quan áp dụng pháp luật đúng các quy định của tội hủy hoại rừng trong thực tiễn.

1.3. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội hủy hoại rừng

1.3.1. Giai đoạn sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945 đến trước khi Bộ luật Hình sự năm 1985 có hiệu lực thi hành

Sau khi Cách mạng Tháng 8 năm 1945 dành thắng lợi, Đảng và Nhà nước ta vừa củng cố chính quyền, vừa đưa ra các chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật để xây dựng, hình thành các quy định pháp luật đầu tiên. Nhận thức được tầm quan trọng của tài nguyên rừng ngày 28/6/1946, Bộ Nội vụ và Bộ Canh Nông đã giúp Chính phủ ban hành Thông tư số 1303-BCN/VP ngày 28/6/1946 về việc bảo vệ rừng rú (sau đây gọi là Thông tư 1302 BCN/VP). Đây là văn bản pháp lý đầu tiên của Đảng và Nhà nước trong việc hình thành, phát triển của pháp luật hình sự về bảo vệ tài nguyên rừng của nước ta.

Mặc dù những quy định của Thông tư 1302 BCN/VP còn sơ khai, tuy nhiên bước đầu đã thể hiện được nội dung của quy định pháp luật hình sự về xử lý các hành vi hủy hoại rừng như hành vi chặt cây trái phép, hành vi đốt rừng, làm cháy rừng... Những quy định pháp luật hình sự về bảo vệ tài nguyên rừng ở giai đoạn này chưa có quy định rõ ràng, chưa gọi là tội hủy hoại rừng mà chủ yếu gọi là tội phạm vi phạm bảo vệ rừng.

Lịch sử về sự hình thành và phát triển của tội hủy hoại rừng nói riêng và pháp luật hình sự bảo vệ tài nguyên rừng nói chung đánh dấu bước phát triển mới và rất quan trọng thông qua việc lần đầu tiên Hiến pháp năm 1959 ghi nhận vai trò của rừng tại Điều 12: “*Các hầm mỏ, sông ngòi, và những rừng cây, đất hoang, tài nguyên khác mà pháp luật quy định là của Nhà nước, đều thuộc sở hữu của toàn dân*”. Trên cơ sở quy định tại Điều 12 của Hiến pháp năm 1959, các văn bản pháp luật về bảo vệ rừng được Nhà nước ta ban hành như:

- Pháp lệnh Bảo vệ rừng ngày 06/9/1972 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định những vấn đề chung về bảo vệ rừng, quy định những hành vi cấm nhằm bảo vệ rừng, quy định việc thành lập các lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách dưới tên gọi là Kiểm lâm nhân dân. Đồng thời, Pháp lệnh còn quy định những biện pháp chế tài xử lý hình sự đối với các hành vi hủy hoại, phá hoại, xâm phạm rừng. Pháp lệnh quy định việc bảo vệ rừng tuy chưa phân định rõ ràng ranh giới xử phạt hành chính (sau đây gọi là XPHC) và xử lý hình sự nhưng đã đánh dấu bước phát triển mới trong nền lập pháp nước ta.

- Thông tư số 3984-LN/KL ngày 15/10/1977 của Bộ Lâm nghiệp hướng dẫn việc XPHC đối với các vi phạm luật lệ bảo vệ rừng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 3984-LN/KL). Văn bản pháp luật này góp phần quan trọng vào việc phân định ranh giới giữa xử phạt vi phạm hành chính (sau đây gọi là XPVPHC) với xử phạt hình sự. Ngay tại tiểu mục 2, mục I, phần I Thông tư số 3984-LN/KL đã quy định: “*Xử lý nghiêm minh, ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả các hành động phá hại rừng và tàng trữ, mua bán, vận chuyển và sử dụng trái phép lâm sản*”. Đồng thời, Thông tư số 3984-LN/KL còn xác định rõ ranh giới giữa hành vi XPHC và xử phạt hình sự thông qua việc quy định mức vượt mức tối đa XPHC của hành vi vi phạm, là cơ sở cho quy định pháp luật hình sự về bảo vệ rừng ở giai đoạn sau.

Tuy những quy định của pháp luật hình sự nước ta giai đoạn trước năm 1985 về bảo vệ tài nguyên rừng còn chưa rõ ràng, chưa cụ thể giữa hành vi vi phạm pháp luật hành chính với hành vi vi phạm pháp luật hình sự, chưa phân định rõ hành vi hủy hoại rừng với hành vi vi phạm việc quản lý, bảo vệ rừng, cũng như các quy định còn nằm rải rác trong nhiều văn bản pháp luật do nhiều cơ quan ban hành nhưng các quy định trên đã trở thành nền tảng quan trọng cho các quy định của pháp luật hình sự về bảo vệ rừng của nước ta phát triển ở các giai đoạn kế tiếp.

1.3.2. Giai đoạn Bộ luật Hình sự năm 1985 có hiệu lực thi hành

Kế thừa những kết quả, thành tựu của giai đoạn trước năm 1985, trên cơ sở Hiến pháp năm 1980, ngày 27 tháng 6 năm 1985, Bộ luật Hình sự số 17-LCT/

HĐNN7 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII, kỳ họp thứ 9 thông qua (sau đây gọi là BLHS năm 1985).

BLHS năm 1985 quy định một số tội danh liên quan đến việc quản lý, bảo vệ rừng nhưng chưa cụ thể, chưa quy định rõ tội phạm về môi trường với tội phạm khác như Điều 181 tội vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng được quy định và xếp vào Chương VII - Các tội phạm về kinh tế. Mặc khác, BLHS năm 1985 chỉ quy định tại một Điều 195 tội vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường gây hậu quả nghiêm trọng trong Chương VIII - Các tội xâm phạm an toàn, trật tự công cộng và trật tự quản lý hành chính. Qua các quy định trên có thể thấy, các quy định ở giai đoạn này chưa có sự tách biệt giữa tội phạm về môi trường nói chung và tội hủy hoại rừng nói riêng với các loại tội phạm khác.

Trong giai đoạn này, Quốc hội nước ta đã ban hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng vào năm 1991, đã làm tiền đề cho việc hình thành các quy định của pháp luật hình sự về hủy hoại rừng là căn cứ để các cơ quan áp dụng pháp luật hình sự viện dẫn khi xử lý hành vi hủy hoại rừng.

Mặc dù, BLHS năm 1985 qua các lần sửa đổi, bổ sung vào các năm 1989, 1991, 1992, 1997 nhưng chưa có một quy định cụ thể nào về tội hủy hoại rừng, chưa đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn, nhất là trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nói chung, bảo vệ rừng nói riêng. Nhu cầu đòi hỏi cần có quy phạm pháp luật hình sự điều chỉnh lĩnh vực môi trường ngày càng trở nên cấp thiết, cần có quy định về hành vi hủy hoại rừng rõ ràng, chi tiết và quy định thành một tội riêng, cụ thể với các quy định hình sự phù hợp với thực tế.

1.3.3. Giai đoạn Bộ luật Hình sự năm 1999 có hiệu lực thi hành

Các quy định của BLHS năm 1985 được áp dụng vào thực tiễn nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm liên quan lĩnh vực môi trường, do đó, ngày 21 tháng 12 năm 1999, tại kỳ họp thứ 6 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X đã thông qua BLHS năm 1999 và được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (sau đây gọi là BLHS năm 1999).

So với BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 có những thay đổi mang tính khác biệt như xây dựng thành một chương riêng đó là Chương XVII - Các tội phạm về môi trường, trong đó có 10 điều, với nhiều tội danh mới được tách ra, được xây dựng mới từ Phần các tội phạm gồm Chương VII - Các tội phạm về kinh tế và Chương VIII - Các tội xâm phạm an toàn, trật tự công cộng và trật tự quản lý hành chính của BLHS năm 1985. BLHS năm 1999 đã quy định nhiều điều luật độc lập trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng, tách tội phạm về môi trường ra khỏi các tội xâm phạm an toàn, trật tự công cộng và trật tự quản lý hành chính, như tại Chương XVI - Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế có Điều 175 - Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng; Điều 176 - Tội vi phạm các quy định về quản lý rừng; tại Chương XVII - Các tội phạm về môi trường có Điều 189 - Tội hủy hoại rừng; Điều 190 - Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Điều 191 - Tội vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên. Lần đầu tiên trong quá trình lập pháp BLHS năm 1999 đã quy định một tội danh cụ thể về các hành vi hủy hoại rừng đó là tội hủy hoại rừng quy định tại Điều 189, thuộc Chương XVII - Các tội phạm về môi trường.

Theo đó, tội hủy hoại rừng của BLHS năm 1999 được quy định tại Điều 189 với 4 khoản, trong đó khoản 1 Điều 189 quy định cấu thành cơ bản của tội hủy hoại rừng thuộc hai trường hợp: “*Gây hậu quả nghiêm trọng*” và mặc dù chưa gây hậu quả nghiêm trọng nhưng “*đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm*”, với mức hình phạt quy định “*phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm*”. Khoản 2 Điều 189 quy định 05 tình tiết định khung tăng nặng gồm: “*Có tổ chức; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức; Hủy hoại diện tích rừng rất lớn; Chặt phá các loại thực vật quý hiếm thuộc danh mục quy định của Chính phủ; Gây hậu quả rất nghiêm trọng*”, với mức hình phạt quy định “*phạt tù từ ba năm đến mười năm*”. Khoản 3 Điều 189 quy định 03 tình tiết định khung tăng nặng gồm: “*Hủy hoại diện tích rừng đặc biệt lớn; Hủy hoại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*”, với mức hình

phạt quy định “*phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm*”. Khoản 4 Điều 189 quy định hình phạt bổ sung “*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định*”.

Tội hủy hoại rừng được quy định thành một điều luật độc lập trong BLHS năm 1999 là bước tiến bộ của quá trình lập pháp của nước ta. Tuy nhiên, Điều 189 BLHS năm 1999 muốn áp dụng, thực hiện thì cần phải có sự viện dẫn, hướng dẫn, giải thích việc áp dụng điều luật từ Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT/BNN&PTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC hướng dẫn một số điều của BLHS về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản (sau đây gọi là Thông tư số 19/2007/TTLT) đã cụ thể hóa các quy định của BLHS năm 1999 trong đó có Điều 189 tội hủy hoại rừng, như các quy định về: Tình tiết “*Gây hậu quả nghiêm trọng*” được hướng dẫn tại tiểu mục 3.4, mục 3, phần IV Thông tư 19/2007; tình tiết “*Hủy hoại diện tích rừng rất lớn; Chặt phá các loại thực vật quý hiếm thuộc danh mục quy định của Chính phủ; Gây hậu quả rất nghiêm trọng*” hướng dẫn tại tiểu mục 3.5, mục 3, phần IV Thông tư 19/2007/TTLT; tình tiết “*Hủy hoại diện tích rừng đặc biệt lớn; Hủy hoại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” được hướng dẫn tại tiểu mục 3.6, mục 3, phần IV Thông tư 19/2007/TTLT để áp dụng, giải quyết trong thực tiễn được thuận lợi.

Những quy định của Thông tư 19/2007/TTLT đã hướng dẫn, giải thích việc áp dụng, xử lý các hành vi hủy hoại rừng trên thực tiễn đã đáp ứng với yêu cầu thực tế khách quan, căn cứ xử lý man tính răn đe, nhằm giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, ngăn chặn các hành vi xâm hại đến môi trường nói chung và rừng nói riêng, tạo sự chuyển biến đáng kể trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm này. Qua quá trình thực tiễn áp dụng, BLHS năm 1999 đã tiến hành sửa đổi, bổ sung vào năm 2009 nhưng Điều 189 vẫn giữ nguyên, không thay đổi.

BLHS năm 1999 được áp dụng trong quá trình đất nước có những bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế, xã hội, kéo theo tình hình tội phạm cũng ngày càng diễn biến phức tạp trong đó số vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng cả

nước nói chung và tại Bình Định nói riêng ngày càng tăng, gây thiệt hại đáng kể về diện tích và giá trị lâm sản. Do BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mới có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018, thực tiễn áp dụng và xử lý đối với tội này tại địa phương chưa nhiều. Do đó, để phân tích, làm rõ thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng tại Bình Định thì đây là giai đoạn mà tác giả nghiên cứu thực tiễn áp dụng bằng nhiều vụ án điển hình đã được điều tra, truy tố, xét xử tại địa phương từ năm 2013 đến năm 2017 theo quy định tại Điều 189 BLHS năm 1999.

1.3.4. Giai đoạn Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành

BLHS năm 1999 chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, diễn biến ngày càng phức tạp, với thủ đoạn ngày càng tinh vi, quy mô ngày càng lớn đã ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được Nhà nước bảo vệ, trong đó có tội phạm liên quan đến môi trường và trước yêu cầu về cải cách tư pháp, sau thời gian chuẩn bị, lấy ý kiến, ngày 27 tháng 11 năm 2015, tại kỳ họp thứ 10 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII đã thông qua BLHS năm 2015.

BLHS năm 2015 thông qua ngày 27/11/2015 đã có những thay đổi khá toàn diện. Trong tổng số 426 điều luật thì có đến 72 điều luật mới, bãi bỏ 7 điều không phù hợp, sửa đổi 362 điều và chỉ giữ nguyên 17 điều trong BLHS năm 1999. BLHS năm 2015 chứa đựng tinh thần nhân văn như bỏ án tử hình cho một số tội danh và một số đối tượng (như không thi hành án tử hình đối với người trên 75 tuổi), tăng thêm các quy định theo hướng bảo vệ quyền con người để thúc đẩy tiến bộ xã hội, phù hợp với các công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

Tuy nhiên, BLHS năm 2015 đã có nhiều lỗi về mặt kỹ thuật lập pháp trong đó có Điều 243 quy định tội hủy hoại rừng cho nên không thể áp dụng vào thực tiễn mà tạm dừng thi hành, để tiến hành nghiên cứu sửa đổi, bổ sung. Qua quá trình lấy ý kiến, sửa đổi, bổ sung đến ngày 20 tháng 6 năm 2017, tại kỳ họp thứ 3 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV đã ban hành Luật số

12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015 và Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.

BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi là BLHS năm 2015) quy định tại Chương XIX - Các tội phạm về môi trường có tất cả 12 điều, trong đó có Điều 243 quy định về tội hủy hoại rừng. BLHS năm 2015 đã quy định cụ thể về định lượng (diện tích, giá trị thiệt hại) trong các khung hình phạt của các tội phạm về môi trường nói chung cũng như tội hủy hoại rừng nói riêng và hợp nhất hóa các quy định, hướng dẫn từ các văn bản pháp luật về tội hủy hoại rừng có liên quan vào trong một điều luật duy nhất là Điều 243 BLHS năm 2015. Đặc biệt, một bước tiến bộ của BLHS năm 2015 là đã quy định TNHS của pháp nhân thương mại đối với tội hủy hoại rừng mà các BLHS trước chỉ quy định duy nhất chủ thể là cá nhân.

Tiểu kết Chương 1

Với các nội dung đã nêu và phân tích ở Chương 1, Luận văn giúp chúng ta nắm rõ được những vấn đề cơ bản của tội hủy hoại rừng như: Khái niệm, các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội hủy hoại rừng qua các giai đoạn, các quy định về cấu thành tội phạm và các quy định về hình phạt. Việc phân tích các quy định về cấu thành tội phạm và các quy định về hình phạt của tội hủy hoại rừng được quy định tại Điều 243 BLHS năm 2015, cho thấy được ý nghĩa của việc quy định tội hủy hoại rừng vào trong BLHS là rất cần thiết, rất quan trọng; giúp cho các cơ quan áp dụng pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng được dễ dàng, thuận tiện, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn trong công tác đấu tranh phòng, chống tội này. Đồng thời, Luận văn phân biệt tội hủy hoại rừng với một số tội phạm khác để từ đó rút ra được những ưu điểm, hạn chế trong quy định của tội hủy hoại rừng.

Qua đó, tác giả có cái nhìn tổng quan nhất đối với tội phạm này, đồng thời việc làm rõ những nội dung nêu trên có ý nghĩa quan trọng, là căn cứ cơ bản để nghiên cứu hoạt động định tội danh, hoạt động quyết định hình phạt đối với tội hủy hoại rừng, phù hợp với thực tiễn khách quan cũng như chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay được thể hiện ở Chương 2 của Luận văn.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI HỦY HOẠI RỪNG TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

2.1. Khái quát thực tiễn xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng tại tỉnh Bình Định

Hiện trạng rừng và thực tiễn xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng được thể hiện qua các bảng số liệu sau đây:

Bảng 2.1. Diện tích rừng tỉnh Bình Định tính đến ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính: ha)

TT	Loại rừng	Tổng cộng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	Khác
1	Tổng diện tích rừng	307.343,1	24.214,5	154.288,7	128.839,9	4.515,6
1.1	Rừng tự nhiên	204.793,4	22.796,9	127.673,6	54.322,9	0
1.2	Rừng trồng	102.549,7	1.417,6	26.615,1	74.517,0	4.515,6
2	Diện tích rừng để tính độ che phủ	605.057,8	0	0	0	0

Nguồn: Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp tỉnh Bình Định năm 2013.

- Đất có rừng là 311.858,7 ha, trong đó: Đất có rừng trong quy hoạch lâm nghiệp là 307.343,1 ha; đất có rừng ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp là 4.515,6 ha.

- Độ che phủ của diện tích rừng tỉnh Bình Định năm 2013 (chưa tính diện tích rừng mới trồng là 16.662,2 ha) là: 48,8%.

Bảng 2.2. Diện tích rừng tỉnh Bình Định tính đến ngày 31/12/2014**(Đơn vị tính: ha)**

TT	Loại rừng	Tổng cộng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	Khác
1	Tổng diện tích rừng	310.634,65	24.238,80	155.577,68	130.838,17	6.010,77
1.1	Rừng tự nhiên	204.922,44	22.796,90	127.876,81	54.248,73	0
1.2	Rừng trồng	105.712,21	1.441,90	27.700,87	76.569,44	6.010,77
2	Diện tích rừng để tính độ che phủ	605.057,77	0	0	0	0

Nguồn: *Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 17/3/2015 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp tỉnh Bình Định năm 2014.*

- Đất có rừng là 316.645,42 ha, trong đó: Đất có rừng trong quy hoạch lâm nghiệp là 310.634,65 ha; đất có rừng ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp là 6.010,77 ha.

- Độ che phủ của diện tích rừng tỉnh Bình Định năm 2014 (chưa tính diện tích rừng mới trồng là 14.989,6 ha) là: 49,9%.

Bảng 2.3. Diện tích rừng tỉnh Bình Định tính đến ngày 31/12/2015**(Đơn vị tính: ha)**

TT	Loại rừng	Tổng cộng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	Khác
1	Tổng diện tích rừng	321.799,33	24.475,46	160.043,82	137.280,05	7.695,8
1.1	Rừng tự nhiên	207.476,96	22.904,10	132.896,15	51.676,71	0
1.2	Rừng trồng	114.322,37	1.571,36	27.147,67	85.603,34	7.695,8
2	Diện tích rừng để tính độ che phủ	607.133,40	0	0	0	0

Nguồn: *Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp tỉnh Bình Định năm 2015.*

- Đất có rừng là 329.495,13 ha, trong đó: Đất có rừng trong quy hoạch lâm nghiệp là 321.799,33 ha; đất có rừng ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp là 7.695,8 ha.

- Độ che phủ của diện tích rừng tỉnh Bình Định năm 2015 (chưa tính diện tích rừng mới trồng là 12.399,0 ha) là: 52,2%.

Bảng 2.4. Diện tích rừng tỉnh Bình Định tính đến ngày 31/12/2016
(Đơn vị tính: ha)

TT	Loại rừng	Tổng cộng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	Khác
1	Tổng diện tích rừng	299.251,07	27.715,54	162.302,47	109.233,06	19.667,07
1.1	Rừng tự nhiên	216.346,73	26.204,78	137.014,79	53.127,16	1.004,76
1.2	Rừng trồng	82.904,34	1.510,76	25.287,68	56.105,90	18.672,31
2	Diện tích rừng để tính độ che phủ	607.133,33	0	0	0	0

Nguồn: Quyết định số 4920/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh Bình Định năm 2016.

- Đất có rừng là 318.918,14 ha, trong đó: Đất có rừng trong quy hoạch lâm nghiệp là 299.251,07 ha; đất có rừng ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp 19.667,07 ha.

- Độ che phủ của diện tích rừng tỉnh Bình Định năm 2016 (chưa tính diện tích rừng mới trồng là 64.668,22 ha) là: 52,5%.

Bảng 2.5. Diện tích rừng tỉnh Bình Định tính đến ngày 31/12/2017
(Đơn vị tính: ha)

TT	Loại rừng	Tổng cộng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	Khác
1	Tổng diện tích rừng	306.084,50	27.660,61	163.813,80	114.610,09	32.914,25
1.1	Rừng tự nhiên	216.412,85	26.204,78	137.176,33	53.031,74	1.001,04
1.2	Rừng trồng	89.671,65	1.455,83	26.637,47	61.578,35	31.913,21
2	Diện tích rừng để tính độ che phủ	607.133,33	0	0	0	0

Nguồn: Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng tỉnh Bình Định năm 2017.

- Đất có rừng và đã trồng mới chưa thành rừng là 383.621,87 ha, trong đó:

Đất có rừng trong quy hoạch lâm nghiệp là 350.707,62 ha và đất có rừng ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp là 32.914,25 ha;

- Độ che phủ của diện tích rừng tỉnh Bình Định năm 2017 (chưa tính diện tích rừng mới trồng là 56.083,83 ha) là: 53,95%.

Bảng 2.6. Số liệu diện tích rừng bị hủy hoại từ năm 2013 đến năm 2017 của tỉnh Bình Định

Năm	Tổng diện tích rừng bị thiệt hại (ha)	Diện tích rừng bị cháy (ha)	Diện tích rừng bị chặt phá (ha)
2013	23,371	6,872	16,499
2014	472,956	414,24	58,716
2015	302,207	114,21	187,997
2016	458,76	182,23	276,53
2017	162,33	23,20	139,13

Nguồn: Báo cáo số 1396/BC-CCKL ngày 28/12/2017 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Định 05 năm thực trạng quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2013 đến năm 2017.

Bảng 2.7. Số vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng từ năm 2013 đến năm 2017 của tỉnh Bình Định.

Năm	Số vụ vi phạm
2013	562
2014	751
2015	431
2016	700
2017	603

Nguồn: Báo cáo số 1396/BC-CCKL ngày 28/12/2017 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Định 05 năm thực trạng quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2013 đến năm 2017.

Bảng 2.8. Số vụ phá rừng trái phép từ năm 2013 đến năm 2017 của tỉnh Bình Định

Năm	Số vụ phá rừng
2013	04
2014	95
2015	138
2016	223
2017	75

Nguồn: Báo cáo số 1396/BC-CCKL ngày 28/12/2017 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Định 05 năm thực trạng quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2013 đến năm 2017.

Bảng 2.9. Số vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng bị xử lý hành chính, xử lý hình sự từ năm 2013 đến năm 2017 của tỉnh Bình Định

Năm	Tổng số vụ vi phạm (1)	Tổng số vụ xử lý (2)	Số vụ bị XPHC (3)	Số vụ bị xử lý hình sự (4)	Tỷ lệ % (3)/(2) - (4)/(2)
2013	562	550	548	2	99,63% - 0,37%
2014	751	604	598	6	99,0% - 1,0%
2015	431	405	403	2	99,50% - 0,50%
2016	700	418	411	7	98,32% - 1,68%
2017	603	454	440	14	96,92% - 3,08%

Nguồn: Báo cáo số 1396/BC-CCKL ngày 28/12/2017 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Định 05 năm thực trạng quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2013 đến năm 2017.

Bảng 2.10. Tình hình điều tra, truy tố, xét xử tội hủy hoại rừng từ năm 2013 đến năm 2017 của tỉnh Bình Định

Năm	Tổng số vụ	Điều tra	Truy tố	Xét xử	Số người bị khởi tố
2013	2	2	2	2	2
2014	6	6	5	5	5
2015	2	2	2	2	3
2016	7	7	6	6	8
2017	14	14	13	13	16
Tổng	31	31	28	28	34

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm của VKSND tỉnh Bình Định từ năm 2013 đến năm 2017.

Qua các bảng số liệu nêu trên, có thể thấy diện tích rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định, đặc biệt là diện tích rừng đặc dụng và phòng hộ là rừng tự nhiên bị suy giảm nhanh chóng. Mặc dù trong thời gian qua các sở, ban, ngành của tỉnh đã triển khai kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng; thường xuyên rà soát, đề xuất ban hành các văn bản giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc; tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư bảo vệ và phát triển rừng; huy động các nguồn vốn để đầu tư bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Tuy nhiên, diện tích rừng bị phá còn xảy ra nhiều tại các huyện miền núi và trung du nhưng các lực lượng chức năng của địa phương chậm phát hiện, rừng bị phá với diện tích lớn; tình trạng khai thác lâm sản trái pháp luật tại các huyện miền núi và vùng giáp ranh vẫn còn xảy ra, chưa được ngăn chặn triệt để; các vụ cháy rừng và diện tích rừng bị cháy ngày càng tăng; việc lấn, chiếm đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất xảy ra nhiều tại các địa phương... Điều này gây ra những tác động khôn lường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, thiên tai lũ lụt hàng năm xảy ra ngày càng nghiêm trọng.

Trong thời gian qua, tại tỉnh Bình Định tội phạm hủy hoại rừng xảy ra từ năm 2013 đến năm 2017 trung bình 01 năm 06 vụ, trong đó đáng lưu ý số vụ bị xử

lý hình sự năm 2017 tăng gấp đôi so với năm 2016, có nhiều vụ hủy hoại với diện tích rừng lớn, ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Tuy nhiên, việc giải quyết, xử lý còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong áp dụng pháp luật hình sự và pháp luật chuyên ngành cũng như việc phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quá trình giải quyết đặc biệt là việc đánh giá, xác định thiệt hại của rừng, trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị còn nhiều hạn chế nên hiệu quả chưa cao.

2.2. Thực tiễn định tội danh tội hủy hoại rừng tại tỉnh Bình Định

2.2.1. Thực tiễn định tội danh tội hủy hoại rừng

Theo quan điểm của GS. TS Võ Khánh Vinh cho rằng: “*Định tội danh là việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi phạm tội cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm đã được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự*”. [98, tr. 9-10]. Theo đó, định tội danh là một quá trình lôgic, là hoạt động xác nhận, ghi nhận sự phù hợp của trường hợp phạm tội cụ thể đang được xem xét với các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm được quy định trong BLHS. Đồng thời, định tội danh là việc đánh giá mặt pháp lý đối với một hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm hại đến lợi ích mà pháp luật hình sự bảo vệ, chúng có mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó với nhau.

Như vậy, có thể hiểu định tội danh các tội phạm hình sự nói chung và định tội danh đối với tội hủy hoại rừng nói riêng là quá trình xác định sự phù hợp giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội do chủ thể thực hiện có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm do BLHS quy định. Việc định tội danh đúng, là việc áp dụng đầy đủ và chính xác các quy định của pháp luật đối với hành vi phạm tội được thực hiện. Điều này đảm bảo nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa và thông qua đó đảm bảo công bằng và dân chủ trong xã hội, đảm bảo cho lợi ích của Nhà nước và nhân dân, góp phần hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2017 tại tỉnh Bình Định đã xảy ra 31 vụ hủy hoại rừng bị xử lý hình sự, cơ quan Điều tra đã tiến hành điều tra, khởi tố 31 vụ, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây gọi là VKSND) truy tố 28 vụ, Tòa án nhân dân

(sau đây gọi là TAND) xét xử 28 vụ. Tác giả lấy số liệu từ năm 2013 đến năm 2017, các vụ án hủy hoại rừng này xảy ra trước thời điểm Điều 243 BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành (ngày 01/01/2018) nên thực tiễn định tội danh được tác giả phân tích theo Điều 189 BLHS năm 1999.

Thứ nhất, trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2017, tại tỉnh Bình Định xảy ra 02 vụ hủy hoại rừng bị xử lý hình sự, được định tội danh theo cấu thành cơ bản quy định tại khoản 1 Điều 189 BLHS, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào tháng 7 năm 2015 (không xác định ngày cụ thể), Nguyễn Hòa N. tự ý vào rừng tại khoảnh 2a, tiểu khu 226, xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định sử dụng rựa phát rong những cây nhỏ, dây leo, bụi rậm dưới tán rừng, sau đó sử dụng cưa lốc (cưa xăng) cắt hạ những cây có đường kính lớn. N. đã phá rừng với diện tích là 5.813m², loại rừng gỗ tự nhiên, thuộc quy hoạch rừng sản xuất, với giá trị rừng bị thiệt hại là 121.847.808 đồng. Tại Cáo trạng số 05/QĐ-KSĐT ngày 27/6/2016 của VKSND huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Nguyễn Hòa N. về tội hủy hoại rừng quy định tại khoản 1 Điều 189 BLHS năm 1999. [95, tr. 3]. Tại Bản án số 12/2016/HSST ngày 09/8/2016 của TAND huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Hòa N. phạm tội hủy hoại rừng theo quy định tại khoản 1 Điều 189 BLHS năm 1999. [67, tr. 4].

Vụ thứ 2: Vào khoảng tháng 10, 11, 12 năm 2014, Nguyễn Văn M. vào khu vực núi có tục danh Nhum thuộc thôn Định Bình Nam, xã Hoài Đức, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định phá rừng tự nhiên để làm rẫy trồng cây keo. Nguyễn Văn M. trực tiếp thực hiện và thuê mướn một số người cùng thực hiện việc chặt phá các loại cây trên diện tích này. Tổng diện tích rừng bị phá là 9.607,2m², loại rừng gỗ tự nhiên, thuộc quy hoạch rừng sản xuất, giá trị thiệt hại là 22.403.341 đồng. Tại Cáo trạng số 305/QĐ-KSĐT ngày 22/6/2016 của VKSND huyện Hoài Nhơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M. về tội hủy hoại rừng quy định tại khoản 1 Điều 189 BLHS năm 1999. [89, tr. 3]. Tại Bản án số 54/2016/HSST ngày 30/9/2016 của TAND huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M. phạm tội hủy hoại rừng theo quy định tại khoản 1 Điều 189 BLHS năm 1999. [61, tr. 3].

Qua hai vụ án trên cho thấy, các bị cáo đều được định tội danh theo cấu thành cơ bản khoản 1 Điều 189 BLHS. Khoản 1 Điều 189 quy định hành vi “đốt, phá rừng trái phép rừng hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng gây hậu quả nghiêm trọng” thì thuộc trường hợp quy định tại khoản này, tuy nhiên điều luật không quy định mức định lượng cụ thể mà cần phải căn cứ Thông tư 19/2007/TTLT và Nghị định 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ về XPVPHC trong lĩnh vực quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản (sau đây gọi là Nghị định 157/2013/NĐ-CP). Theo đó, quy định tại điểm a tiêu mục 3.4, mục 3, phần IV Thông tư 19/2007/TTLT thì “Gây hậu quả nghiêm trọng” là trường hợp hủy hoại rừng sản xuất với diện tích từ trên mức tối đa bị XPVPHC đến hai lần mức tối đa bị XPVPHC. Tại điểm b khoản 5 Điều 20 Nghị định 157/2013/NĐ-CP quy định: “Rừng sản xuất từ trên 3.000m² đến 5.000m²...”. Như vậy, mức vi phạm tối đa trong XPHC đối với rừng sản xuất bị phá trái phép là 5.000m² cho nên khi diện tích rừng sản xuất bị hủy hoại từ trên 5.000m² đến 10.000m² thì được xem là gây hậu quả nghiêm trọng. Đối chiếu với 02 vụ án trên thì các bị cáo đều có hành vi hủy hoại rừng, loại rừng gỗ tự nhiên, thuộc quy hoạch rừng sản xuất, diện tích bị hủy hoại là 5.813m² và 9.607,2m² nên thuộc trường hợp định tội ở khung cơ bản là khoản 1 Điều 189 BLHS năm 1999. Qua đó cho thấy, các cơ quan tố tụng tại Bình Định đã định tội danh theo khoản 1 Điều 189 là hoàn toàn đúng.

Thứ hai, định tội danh theo khoản 2 Điều 189 BLHS năm 1999.

Phần lớn diện tích rừng tại Bình Định là rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Căn cứ vào các bảng 2.1 đến 2.5 cho thấy diện tích rừng phòng hộ và rừng sản xuất chiếm đa số, cụ thể diện tích rừng phòng hộ chiếm khoảng 53,5%, rừng sản xuất là rừng trồng chiếm khoảng 37,5%, còn rừng đặc dụng chỉ chiếm khoảng 9,0%. Do vị trí địa lý, địa hình nằm ở miền Trung, hàng năm phải chịu nhiều thiệt hại do thiên tai gây ra như hạn hán, lũ, lụt... nên chính quyền địa phương rất chú trọng việc bảo vệ diện tích rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Tuy nhiên, công tác bảo vệ rừng còn hạn chế, chưa đảm bảo, các cơ quan chức năng quản lý chưa chặt chẽ nên các hành vi hủy hoại rừng vẫn diễn ra ngày càng nghiêm trọng. Trong đó, đối tượng tác động

chính của tội hủy hoại rừng tại tỉnh Bình Định là rừng phòng hộ và rừng sản xuất.

Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2017, tại tỉnh Bình Định xảy ra 03 vụ hủy hoại rừng bị xử lý hình sự định tội danh theo khoản 2 Điều 189 BLHS năm 1999, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng tháng 01, 02 và tháng 3 năm 2015, Võ Văn Ch. vào khu vực rừng có tọc danh Cống Cầu Khí thuộc khoảnh 1, tiểu khu 106, thôn Định Bình Nam, xã Hoài Đức, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, phá rừng tự nhiên để làm rẫy trồng cây keo. Võ Văn Ch. trực tiếp dùng rựa chặt tất cả các loại cây rừng sau đó để khô rồi đốt. Tổng diện tích rừng bị phá là 14.146,4m², loại rừng gỗ tự nhiên, thuộc quy hoạch rừng sản xuất có trạng thái rừng nghèo, giá trị lâm sản thiệt hại là 68.970.000 đồng. Tại Cáo trạng số 319/QĐ-KSĐT ngày 25/4/2017 của VKSND huyện Hoài Nhơn đã truy tố bị cáo Võ Văn Ch. về tội hủy hoại rừng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 189 BLHS năm 1999. [87, tr. 3]. Tại Bản án số 26/2017/HSST ngày 04/7/2017 của TAND huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đã tuyên bố bị cáo Võ Văn Ch. phạm tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 189 BLHS năm 1999. [59, tr. 3].

Vụ thứ 2: Vào khoảng tháng 01, 02 và 03 năm 2015, Võ Thị Y. vào khu vực rừng có tọc danh Đồng Lớn thuộc khoảnh 01, 02, tiểu khu 106 thuộc Định Bình Nam, xã Hoài Đức, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định phá rừng tự nhiên để làm rẫy trồng cây keo. Tổng diện tích rừng bị phá là 10.270,7m², loại rừng gỗ tự nhiên, thuộc quy hoạch rừng sản xuất có trạng thái rừng nghèo, giá trị lâm sản thiệt hại là 47.668.000 đồng. Tại Cáo trạng số 326/QĐ-KSĐT ngày 26/4/2017, VKSND huyện Hoài Nhơn đã truy tố bị cáo Võ Thị Y. về tội hủy hoại rừng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 189 BLHS năm 1999. [88, tr. 3]. Tại Bản án số 25/2017/HSST ngày 04/7/2017 của TAND huyện Hoài Nhơn đã tuyên bố bị cáo Võ Thị Y. phạm tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 189 BLHS năm 1999. [60, tr. 3].

Vụ thứ 3: Vào khoảng tháng 9/2014 đến tháng 6/2015 (không xác định được ngày cụ thể), Đinh T. và Đinh Thị Th. đến khu rừng sản xuất tại khoảnh 9 tiểu khu 185 thuộc xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định phá rừng trái phép để

lấy đất sản xuất dùng rựa chặt phá những cây nhỏ, dùng cưa lóc cưa hạ những cây lớn. Diện tích rừng bị Đinh T., Đinh Thị Th. phá là loại rừng tự nhiên thuộc quy hoạch rừng sản xuất, diện tích bị thiệt hại là 12.190m². Giá trị lâm sản bị thiệt hại là 203.656.593 đồng. Tại Cáo trạng số 09/QĐ-KSĐT ngày 21/11/2016, VKSND huyện Vĩnh Thạnh đã truy tố các bị cáo Đinh T., Đinh Thị Th. về tội hủy hoại rừng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 189 BLHS năm 1999. [94, tr. 3]. Tại Bản án số 04/2016/HSST ngày 30/12/2016 của TAND huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định đã tuyên bố các bị cáo Đinh T., Đinh Thị Th. phạm tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 189 BLHS năm 1999. [66, tr. 5].

Qua 03 vụ án nêu trên cho thấy các vụ án đều định tội danh theo điểm c khoản 2 Điều 189 “*Hủy hoại diện tích rừng rất lớn*”, theo quy định tại điểm a tiêu mục 3.5, mục 3, phần IV Thông tư 19/2007/TTLT thì “*Hủy hoại diện tích rừng rất lớn*” là trường hợp hủy hoại rừng sản xuất với diện tích từ trên hai lần mức tối đa bị XPVPHC đến bốn lần mức tối đa bị XPVPHC. Tại điểm b khoản 5 Điều 20 Nghị định 157/2013/NĐ-CP quy định: “*Rừng sản xuất từ trên 3.000m² đến 5.000m²...*”. Như vậy, mức vi phạm tối đa trong XPHC đối với rừng sản xuất bị phá trái phép là 5.000m² cho nên khi diện tích rừng sản xuất bị hủy hoại từ trên hai lần mức tối đa là trên 10.000m² đến 20.000m² thì được xem là “*Hủy hoại diện tích rừng rất lớn*”. Đối chiếu với 03 vụ án trên thì các bị cáo đều có hành vi hủy hoại rừng, loại rừng gỗ tự nhiên, thuộc quy hoạch rừng sản xuất, diện tích bị hủy hoại là 14.146,4m², 10.270,7m² và 12.190m² nên thuộc trường hợp định tội danh ở khoản 2 Điều 189 BLHS năm 1999. Qua đó cho thấy, các cơ quan tố tụng tại Bình Định đã định tội danh theo khoản 2 Điều 189 là hoàn toàn đúng.

Thứ ba, định tội danh theo khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999.

Qua tổng hợp số liệu xét xử các vụ án hủy hoại rừng tại tỉnh Bình Định từ năm 2013 đến năm 2017, có 23 vụ/31 vụ (chiếm 74,19%) bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và định tội danh theo khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999.

Khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999 được hướng dẫn tại tiêu mục 3.6, mục 3, phần IV Thông tư số 19/2007/TTLT có giải thích cho các tình tiết “*Hủy hoại diện*

tích rừng đặc biệt lớn”, “Hủy hoại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng” “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều 189 khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- *Trường hợp thứ nhất*, căn cứ vào diện tích rừng bị thiệt hại, tại khoản a tiểu mục 3.6, mục 3, phần IV Thông tư 19/2007/TTLT và Nghị định 157/2013/NĐ-CP, cụ thể tại điểm b khoản 5 Điều 20 Nghị định 157/2013/NĐ-CP quy định: “...b. Rừng sản xuất từ trên 3.000m² đến 5.000m²...”. Mức vi phạm tối đa trong XPHC đối với rừng sản xuất bị phá trái phép là 5.000m², do đó bị coi gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khi diện tích rừng sản xuất bị hủy hoại từ 20.000m² trở lên.

- *Trường hợp thứ hai*, chỉ cần trên mức tối đa XPHC là đã bị khép vào khoản 3 Điều 189 đối với các hành vi hủy hoại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Mức XPHC cụ thể, điểm b khoản 5 Điều 20 Nghị định 157/2013/NĐ-CP quy định: “...c. Phá rừng phòng hộ từ trên 2.000m² đến 3.000m²” cho nên được xem là hủy hoại rừng phòng hộ khi diện tích rừng phòng hộ bị hủy hoại trên 3.000m². “...d. Rừng đặc dụng từ trên 700m² đến 1000m²”, do đó bị coi là hủy hoại rừng đặc dụng khi diện tích rừng đặc dụng bị hủy hoại trên 1.000m².

- *Trường hợp thứ ba*, căn cứ vào khoản c tiểu mục 3.6 mục 3 phần IV Thông tư 19/2007/TTLT để giải quyết. Thực tiễn tại địa phương cho thấy trường hợp thứ ba rất ít xảy ra bởi vì được tách ra thành tội danh độc lập quy định tại Điều 330 BLHS năm 2015 là tội chống người thi hành công vụ.

Để làm rõ các trường hợp trên, tác giả nêu ra một số ví dụ điển hình mà trong thời gian qua các cơ quan tiến hành tố tụng tại Bình Định đã điều tra, truy tố và xét xử theo khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999, như sau:

Vụ thứ nhất: Vào tháng 01 năm 2013, Đinh Văn Th. đã thuê nhân công dùng rựa, rìu và cưa máy vào khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn thuộc khoảnh 5, tiểu khu 171, xã BókTới, huyện Hoài Ân để phá rừng làm rẫy. Tổng diện tích rừng bị phá là 29.048m², theo chức năng sử dụng là rừng phòng hộ đầu nguồn, trữ lượng rừng nghèo, là rừng phục hồi trạng thái lâm sản IIa; lâm sản bị thiệt hại là 75,53m³; giá trị thiệt hại thành tiền là 111.689.560 đồng. Tại Cáo trạng số 38/QĐ-KSĐT ngày

16/10/2013 của VKSND huyện Hoài Ân đã truy tố bị cáo Đinh Văn Th. về tội hủy hoại rừng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. [82, tr. 3]. Tại Bản án số 23/2017/HSST ngày 09/5/2017 của TAND huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định đã tuyên bố bị cáo Đinh Văn Th. phạm tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. [53, tr. 4].

Vụ thứ 2: Vào tháng 02 năm 2017, qua tìm hiểu và biết được vùng rừng tại lô a3, khoảnh 2, tiểu khu 22 thuộc xã An Tân, huyện An Lão còn là rừng tự nhiên, Đặng Ngọc V. đã thuê một người dân tộc thiểu số dùng rựa và cưa máy phát, cưa hạ toàn bộ cây lớn, cây nhỏ và dây leo theo yêu cầu của Đặng Ngọc V., làm cho rừng tự nhiên bị chặt phá trắng với diện tích 7.538m², trạng thái rừng IIa, quy hoạch chức năng phòng hộ, gây thiệt hại thành tiền là 38.162.000 đồng. Tại Cáo trạng số 30/QĐ-KSĐT ngày 04/10/2017 của VKSND huyện An Lão đã truy tố bị cáo Đặng Ngọc V. về tội hủy hoại rừng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. [81, tr. 5]. Tại Bản án số 02/2017/HSST ngày 14/12/2017 của TAND huyện An Lão, tỉnh Bình Định đã tuyên bố bị cáo Đặng Ngọc V. phạm tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. [52, tr. 5].

Vụ thứ 3: Vào khoảng tháng 5 năm 2015, La O L. đã bàn bạc và bảo con rể của mình là Đoàn Văn L. đến khu rừng sản xuất có tục danh là Công Cẩn nằm tại vị trí khoảnh 4, tiểu khu 377A thuộc xã Canh Thuận, huyện Vân Canh để chặt phá cây rừng làm nương rẫy sản xuất. Diện tích rừng bị thiệt hại là 22.824m²; loại rừng bị thiệt hại là rừng gỗ tự nhiên, thuộc quy hoạch rừng sản xuất có trạng thái rừng nghèo; giá trị rừng bị thiệt hại là 268.719.000 đồng. Tại Cáo trạng số 06/QĐ-KSĐT ngày 08/11/2017 của VKSND huyện Vân Canh đã truy tố bị cáo La O L. và Đoàn Văn L. về tội hủy hoại rừng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. [90, tr. 4]. Tại Bản án số 10/2017/HSST ngày 29/12/2017 của TAND huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định đã tuyên bố bị cáo La O L. và Đoàn Văn L. phạm tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. [62, tr. 6].

Vụ thứ 4: Vào tháng 5/2016 (không xác định ngày cụ thể), Đinh Qu. đến khu vực sản xuất có tục danh Nước Xin thuộc khoảnh 5, tiểu khu 128, xã Vĩnh Kim,

huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định phá rừng làm nương rẫy (trồng chuối và tria đậu xanh). Đình Qu. dùng rựa phát hạ, dùng máy cưa lóc cưa hạ những cây có đường kính lớn. Diện tích rừng bị Đình Qu. phá là 7.248m², loại rừng phòng hộ có trạng thái rừng nghèo, giá trị thiệt hại được xác định là 110.545.290 đồng. Tại Cáo trạng số 11/QĐ-KSĐT ngày 17/7/2017 của VKSND huyện Vĩnh Thạnh đã truy tố bị cáo Đình Qu. về tội hủy hoại rừng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. [93, tr. 3]. Tại Bản án số 11/2017/HSST ngày 10/8/2017 của TAND huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định đã tuyên bố bị cáo Đình Qu. phạm tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. [65, tr. 5].

Như vậy, từ các vụ án cụ thể nêu trên cho thấy phần lớn diện tích rừng bị hủy hoại theo quy định tại khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999 là rừng phòng hộ, người dân đốt, phá rừng để lấy lâm sản hoặc lấy đất trồng keo khi chưa được phép của chính quyền. Diện tích rừng bị đốt, phá phần lớn đều có diện tích hơn 3000m², cá biệt có những trường hợp diện tích hủy hoại trên 29.000m² rừng phòng hộ. Do tính chất đặc biệt của rừng phòng hộ nên các vụ án này đều được các cơ quan tiến hành tố tụng tại Bình Định đã điều tra, truy tố và xét xử đúng quy định pháp luật, việc xác định đối tượng thuộc loại rừng phòng hộ, xác định diện tích bị hủy hoại được chú trọng và đảm bảo đúng trình tự, thủ tục nên việc định tội danh theo điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999 chính xác và đúng quy định.

2.2.2. Hạn chế, khó khăn trong định tội danh tội hủy hoại rừng

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy tội phạm hủy hoại rừng trong thời gian qua tại Bình Định diễn biến phức tạp, mức độ và tính chất nguy hiểm ngày càng tăng về diện tích rừng bị hủy hoại và giá trị thiệt hại. Quá trình đấu tranh phòng chống tội này chưa đạt hiệu quả cao, do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân quan trọng nhất là quy định về các dấu hiệu định tội của tội này chưa rõ ràng.

Thứ nhất, quy định đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng còn hạn chế.

Điều 189 BLHS năm 1999 cũng như Điều 243 BLHS năm 2015 chưa quy định rõ đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng có bao gồm “*kể cả các loài cây, bụi, dây leo*” như quy định tại Điều 260 và 261 BLHS Nga. Từ đó dẫn đến việc xử

lý của các cơ quan tố tụng trong thực tế gặp nhiều khó khăn trong việc xác định loại cây rừng bị thiệt hại. Vì theo quy định của Điều 189 cũng như Điều 243 thì đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng bao rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng chứ không đề cập đến cây, bụi, dây leo. Do đó, có thể hiểu các loại cây cỏ, bụi cây, dây leo cũng là đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng. Hiện nay, quy định này chưa cụ thể, rõ ràng nên khó khăn cho việc xác định đối tượng thiệt hại.

Thời gian qua, trên địa bàn tỉnh Bình Định bên cạnh những vụ án hủy hoại rừng được các cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện, xử lý kịp thời thì cũng còn một số vụ án còn tồn tại nhiều vướng mắc trong xác định tội phạm hủy hoại rừng đối với các loại cây cỏ, bụi cây, dây leo. Đối với những khu vực rừng ở vùng giáp ranh của miền núi và đồng bằng, thuộc dạng đồi trọc, rừng nghèo chỉ có bụi cỏ, bụi cây nhỏ và dây leo, đó là các loại cây thực bì không có giá trị. Sau đó người dân tự ý phá, đốt đi để trồng mới bằng những cây rừng có giá trị, thiết nghĩ hành vi này chỉ cần tiến hành XPHC về hành vi phát dọn cây cỏ trái phép, ví dụ:

Trong vụ án Hoàng Văn T. phạm tội hủy hoại rừng. Theo hồ sơ vụ án, Hoàng Văn T. đã phát dọn và tiến hành trồng rừng, loại cây keo lai có giá trị kinh tế cao, trên phần diện tích đã phát dọn. Theo hồ sơ vụ án thì rừng sản xuất ở khu vực rừng tại Lô B, khoảnh 10, tiểu khu 99B thuộc xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định, từ trước đến nay, chưa giao cho hộ gia đình nào trồng rừng phủ xanh, vẫn là dạng đất trống đồi trọc chỉ có bụi cỏ, bụi cây nhỏ và dây leo. Theo bản Cáo trạng số 15/QĐ-KSĐT, ngày 24/10/2013, của VKSND huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định truy tố Hoàng Văn T. về tội hủy hoại rừng. [97, tr. 4]. Tại Bản án số 10/2014/HSST ngày 21/3/2014 của TAND huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định xử Hoàng Văn T. phạm tội hủy hoại rừng. [68, tr. 4].

Trong vụ án Hoàng Văn T., theo tác giả cách áp dụng quy định về tội hủy hoại rừng đối với T. là chưa hợp lý, bởi diện tích trước khi bị hủy hoại chỉ tồn tại cây cỏ thực bì, không có giá trị về môi trường và kinh tế, nhưng sau đó đã được cải tạo và trồng mới bằng những cây rừng có giá trị. Thiết nghĩ, chỉ cần tiến hành XPHC đối với T. về hành vi phát dọn cây cỏ trái phép.

Từ đó cho thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng gặp phải những khó khăn trong quá trình xử lý các vụ án hủy hoại rừng mà trong đó có đối tượng bị hủy hoại là các loại cây cỏ, bụi cây, dây leo. Mặc dù, Điều 243 BLHS năm 2015 tiến hành sửa đổi, bổ sung với đối tượng tác động cụ thể hơn là: Cây trồng chưa thành rừng, rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA, IIA cũng như khoản 3 Điều 1 Luật Lâm nghiệp năm 2017 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 sẽ thay thế cho Luật BV&PTR năm 2004) có nêu khái niệm: “*Rừng là một hệ sinh thái bao gồm các loài thực vật rừng, động vật rừng, nấm, vi sinh vật, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó thành phần chính là một hoặc một số loài cây thân gỗ, tre, nứa, cây họ cau có chiều cao được xác định theo hệ thực vật trên núi đất, núi đá, đất ngập nước, đất cát hoặc hệ thực vật đặc trưng khác...*”, tuy nhiên, các điều luật cũng không đề cập, nêu rõ và giải quyết được hạn chế này.

Thứ hai, việc xác định đối tượng tác động thuộc tội hủy hoại rừng hay tội hủy hoại tài sản còn chưa thống nhất.

Rừng là đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng, là một trong những yếu tố cấu thành môi trường. Đồng thời, rừng cũng là một trong những tài sản thuộc sở hữu của cá nhân, hộ gia đình, tập thể, tổ chức khi được cơ quan chức năng có thẩm quyền có quyết định trao quyền sử dụng rừng cho họ thông qua hình thức giao rừng, cho thuê rừng; công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng thì tổ chức, tập thể, cá nhân, hộ gia đình trở thành chủ rừng và có quyền sở hữu đối với diện tích rừng được giao; nếu tổ chức, tập thể, cá nhân, hộ gia đình đã tự bỏ vốn đầu tư vào diện tích rừng được giao này, không lấy từ nguồn vốn ngân sách của Nhà nước thì lúc này rừng trở thành đối tượng tác động của tội xâm phạm về sở hữu, cụ thể là tội hủy hoại tài sản. [23, tr. 45].

Điều 189 BLHS năm 1999 không quy định rõ trong việc loại trừ trường hợp không thuộc vào các tội xâm phạm sở hữu như một số quy định khác trong BLHS. Mặc dù tại khoản a, b tiêu mục 3.3, mục 3, phần IV Thông tư số 19/2007/TTLT có

đề cập tới vấn đề xác định đối tượng tác động của hành vi hủy hoại rừng là thuộc thuộc về tội hủy hoại rừng hay tội hủy hoại tài sản. Tuy nhiên, quy định này chung chung, chưa cụ thể, rõ ràng nên có nhiều trường hợp xác định đối tượng không đúng dẫn đến định tội danh sai, ví dụ: Vụ án Lò Văn X. phạm tội hủy hoại rừng. Theo hồ sơ vụ án, Lò Văn X. đã có hành vi hủy hoại rừng tại khoảnh 2, tiểu khu 152, thuộc xã Đak Mang, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định do Công ty TNHH MTV (trách nhiệm hữu hạn một thành viên) Lâm nghiệp Đak Mang sở hữu và quản lý, chăm sóc, với diện tích rừng bị chặt phá trái phép là 7.816m² để lấy đất làm nương rẫy. Tại Bản án số 18/2014/ HSST ngày 10/9/2014 của TAND huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định tuyên phạt Lò Văn X. phạm tội hủy hoại rừng. [55, tr. 5].

Trong vụ án này, theo tác giả cơ quan chức năng đã định tội danh đối với Lò Văn X. chưa chính xác. Vì theo hồ sơ vụ án, diện tích rừng bị hủy hoại là do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đak Mang sở hữu và quản lý, không có tiếp nhận nguồn ngân sách của Nhà nước để chăm sóc cây rừng. Cho nên, theo tác giả căn cứ vào tại khoản a, b tiểu mục 3.3, mục 3, phần IV Thông tư số 19/2007/TTLT thì hành vi hủy hoại rừng nêu trên của Lò Văn X. là phạm tội hủy hoại tài sản được quy định tại Điều 143 BLHS năm 1999, chứ Lò Văn X. không phạm tội hủy hoại rừng.

Chính vì vậy, cần thiết phải có quy định rõ ràng hơn trong quy định về tội hủy hoại rừng cho trường hợp phân biệt đối tượng tác động là rừng thuộc tội hủy hoại rừng hay thuộc tội hủy hoại tài sản. BLHS năm 2015 ra đời cũng chưa giải quyết triệt để được vấn đề này, do đó để định tội danh chính xác thì các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải dựa vào các tình tiết, chứng cứ và diễn biến của vụ án một cách khách quan, cẩn thận, chặt chẽ, phải xem xét, phân tích kỹ yếu tố khách thể tác động của tội hủy hoại rừng thì mới định tội danh chính xác được.

- Thứ ba, việc đánh giá và áp dụng dấu hiệu “*đã bị XPHC về hành vi này mà còn vi phạm*” trong thực tế còn gặp phải một số hạn chế.

Trong số các vụ án hủy hoại rừng được tiến hành điều tra, truy tố và xét xử từ năm 2013 đến 2017 trên địa bàn tỉnh Bình Định, bên cạnh việc áp dụng dấu hiệu này chính xác thì cũng còn tồn tại một số vụ án chưa chính xác, đó là có trường hợp

cùng một diện tích rừng vừa bị XPHC vừa bị truy cứu TNHS là không đúng theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 157/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định XPVPHC về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; cũng như không đúng tinh thần được quy định trong Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sau đây gọi là Nghị định 81/2013/NĐ-CP) đó là một hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần nhằm bảo đảm quyền lợi cho người bị áp dụng, như:

Vụ thứ nhất: Trong vụ án Đinh D. phạm tội hủy hoại rừng. Theo hồ sơ vụ án, khi phát hiện Đinh D. có hành vi hủy hoại rừng với diện tích thiệt hại xác định được là 5.126m² rừng phòng hộ đầu nguồn thì cơ quan chức năng của UBND xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh đã tiến hành lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính về hành vi phát rừng làm nương rẫy trái phép. Tuy nhiên, sau đó cơ quan tiến hành tố tụng vẫn tiến hành khởi tố vụ án để truy cứu TNHS đối với Đinh D.. Tại Bản án số 01/2014/HSST ngày 20/02/2014 của TAND huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định đã tuyên phạt Đinh D. phạm tội hủy hoại rừng. [70, tr. 4].

Vụ thứ hai: Trong vụ án Quách Văn Th. phạm tội hủy hoại rừng. Theo hồ sơ vụ án, khi phát hiện Quách Văn Th. có hành vi hủy hoại rừng với diện tích thiệt hại được xác định là 3.716m² thì cơ quan chức năng của UBND xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh đã tiến hành lập biên bản XPVPHC về hành vi phát rừng làm nương rẫy trái phép. Tuy nhiên, sau đó cơ quan tiến hành tố tụng vẫn tiến hành khởi tố vụ án để truy cứu TNHS đối với Quách Văn Th.. Tại Bản án số 04/2014/HSST ngày 20/02/2014 của TAND huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định đã tuyên phạt Quách Văn Thiên phạm tội hủy hoại rừng. [69, tr. 3].

Thực tiễn áp dụng quy định còn nhiều trường hợp chưa thống nhất cũng như công tác điều tra, truy tố, xét xử vẫn còn một số sai sót đã phản ánh phần nào công tác đấu tranh, phòng chống tội hủy hoại rừng vẫn đang còn những hạn chế nhất định. Những hạn chế đó có thể xuất phát từ nhiều lý do khác nhau như từ chính công tác phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng nhưng

cũng có thể xuất phát từ chính các quy định về tội hủy hoại rừng trong BLHS còn bất cập, vướng mắc. Vì thế, xuất phát từ thực tiễn và từ những yêu cầu của hoạt động đấu tranh phòng, chống loại tội này, một trong những yêu cầu cấp thiết đang đề ra chính là nhận định được những bất cập trong quy định về tội hủy hoại rừng và tiếp tục hoàn thiện các quy định của BLHS về tội này.

2.3. Thực tiễn quyết định hình phạt tội hủy hoại rừng tại tỉnh Bình Định

2.3.1. Thực tiễn quyết định hình phạt tội hủy hoại rừng

Theo quan điểm của PGS.TS. Phạm Văn Lợi thì *“Quyết định hình phạt là một giai đoạn, một nội dung của áp dụng pháp luật hình sự thể hiện ở việc Tòa án lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật (khoản điều luật) theo một thủ tục nhất định để áp dụng đối với người phạm tội thể hiện trong bản án buộc tội”*. [20, tr. 386]. Theo đó, quyết định hình phạt là việc Tòa án lựa chọn một loại và mức hình phạt cụ thể trong phạm vi luật định để áp dụng đối với người phạm tội. Quyết định hình phạt là một trong những giai đoạn cơ bản, một nội dung quan trọng của quá trình áp dụng Luật Hình sự.

Như vậy, quyết định hình phạt có thể hiểu là lựa chọn loại hình phạt và xác định mức hình phạt cụ thể trong phạm vi chế tài để áp dụng đối với người phạm tội do Tòa án thực hiện trong quá trình xét xử vụ án hình sự. Quyết định hình phạt có ý nghĩa rất quan trọng trong tổ tụng hình sự, là giai đoạn quyết định để đưa hình phạt quy định trong chế tài hình sự ra áp dụng đối với người phạm tội cụ thể, quyết định hình phạt là biểu hiện chính sách hình sự của Nhà nước đối với người phạm tội và nó là biểu hiện chính của trách nhiệm hình sự mà người phạm tội phải gánh chịu. [23, tr. 51].

Bình Định có diện tích rừng là 350.653,35 ha, gồm: Rừng tự nhiên là 216.346,73 ha, rừng trồng là 134.306,62 ha; số vụ vi phạm pháp luật về hủy hoại rừng bị xử lý hình sự trung bình 06 vụ/mỗi năm từ năm 2013 đến năm 2017. Tại Bình Định vẫn còn tồn tại một số “điểm nóng” về hủy hoại rừng, nhiều huyện có diện tích lớn về rừng, đồi núi hiểm trở, bên cạnh dân tộc kinh còn có dân tộc thiểu số, với đời sống còn nhiều khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên việc

phát hiện cũng như xử lý đối với hành vi hủy hoại rừng là còn nhiều hạn chế, khó khăn. Theo số liệu báo cáo của các cơ quan chức năng thì thực tế có rất nhiều trường hợp hủy hoại rừng nhưng cho đến nay vẫn chưa thể tìm ra thủ phạm, cũng như sự phối hợp giữa các cơ quan được giao nhiệm vụ bảo vệ rừng chưa được chặt chẽ, do đó nhiều vụ việc chưa thể xử lý, giải quyết được.

Các vụ hủy hoại rừng đã bị phát hiện và xử lý từ năm 2013 đến năm 2017 theo Điều 189 BLHS năm 1999, phần lớn các vụ án đều thuộc khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian này BLHS năm 2015 thông qua ngày 27/11/2015 được ban hành nhưng do phát hiện một số vấn đề lỗi kỹ thuật cho nên được tiến hành nghiên cứu sửa đổi, bổ sung vào năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Trong đó, có 06 vụ án giao thời giữa BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 được Tòa án áp dụng theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Công văn 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 và Công văn số 256/TANDTC-PC ngày 31/7/2017 của TANDTC để quyết định hình phạt theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo; có 11/31 vụ bị kháng cáo, kháng nghị. Trong đó, có 07 vụ kháng cáo, 01 vụ kháng nghị được Tòa án chấp nhận. Chủ yếu Tòa án chấp nhận để giảm mức hình phạt so với bản án sơ thẩm đã tuyên.

Bảng 2.11. Tội hủy hoại rừng được xét xử theo các khoản của Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 1999 từ năm 2013 đến năm 2017 của tỉnh Bình Định

Năm	Số vụ xét xử	Khoản 1, Điều 189	Khoản 2, Điều 189	Khoản 3, Điều 189
2013	2			2
2014	5			5
2015	2			2
2016	6	2	1	3
2017	13		2	11

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm của VKSND tỉnh Bình Định từ năm 2013 đến năm 2017.

Bảng 2.12. Số vụ hủy hoại rừng xét xử bị kháng cáo, kháng nghị từ năm 2013 đến năm 2017 của tỉnh Bình Định

Năm	Số vụ xét xử	Số vụ kháng cáo	Số vụ kháng nghị	Số vụ kháng cáo chấp nhận	Số vụ kháng nghị chấp nhận
2013	2	2		2	
2014	5	3	1	1	1
2015	2	2		1	
2016	6	1		1	
2017	13	2		2	

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm của VKSND tỉnh Bình Định từ năm 2013 đến năm 2017.

Một số ví dụ điển hình:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2012 Nguyễn Ngọc H. đã 02 lần vào khu vực rừng phòng hộ có tục danh Dốc Ngược thuộc khoảnh 01, tiểu khu 164 ở thôn Phú Ninh, xã Ân Nghĩa, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định do UBND xã Ân Nghĩa quản lý để phá, đốt rừng làm nương rẫy (trồng mỳ). Tổng diện tích rừng bị thiệt hại do Nguyễn Ngọc H. đã phá là 18.488m² thuộc loại rừng phòng hộ, trữ lượng rừng nghèo, trạng thái IIB, giá trị thiệt hại là 28.704.385 đồng. Tại Cáo trạng số 13/QĐ-KSĐT ngày 15/3/2013 của VKSND huyện Hoài Ân đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H. về tội hủy hoại rừng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. [86, tr. 3]. Tại Bản án số 29/2013/HSST ngày 25/6/2013 của TAND huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H. phạm tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H. 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo. [56, tr. 3].

Ngày 06/7/2013, VKSND huyện Hoài Ân có Quyết định kháng nghị số 120/KN-VKS về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H., theo hướng không cho bị cáo Nguyễn Ngọc H. được hưởng án treo. [83, tr. 3]. Tại Bản án số 186/2014/HSPT ngày 26/8/2014 của TAND tỉnh Bình Định đã chấp nhận Quyết

định kháng nghị số 120/KN-VKS của VKSND huyện Hoài Ân, sửa Bản án sơ thẩm và xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H. 03 năm tù về tội hủy hoại rừng. [47, tr. 4].

Vụ thứ 2: Vào đầu năm 2013 (không xác định được ngày cụ thể), Đinh D. đến khu vực rừng tại Lô A, khoảng 12, tiểu khu 99A, thuộc rừng phòng hộ đầu nguồn do UNND xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định quản lý dùng rựa, rìu và cưa lốc phát dọn những cây nhỏ liên tục trong 04 ngày. Diện tích rừng bị phá là 5.126,0m², thuộc rừng phòng hộ đầu nguồn, trữ lượng rừng nghèo, giá trị thiệt hại là 78.837.880 đồng. Tại Cáo trạng số 17/QĐ-KSĐT ngày 05/11/2013 của VKSND huyện Vĩnh Thạnh đã truy tố bị cáo Đinh D. về tội hủy hoại rừng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. [96, tr. 3]. Tại Bản án số 01/2014/HSST ngày 20/02/2014 của TAND huyện Hoài Ân đã tuyên bố bị cáo Đinh D. phạm tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo Đinh D. 03 năm 01 tháng tù. [54, tr. 4].

Ngày 25/02/2014, bị cáo Đinh D. có đơn kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt và được hưởng án treo. Tại Bản án số 89/2014/HSST ngày 18/4/2014 của TAND tỉnh Bình Định chấp nhận kháng cáo. Xử phạt bị cáo Đinh D. 03 năm tù về tội hủy hoại rừng nhưng cho hưởng án treo. [48, tr. 3-4].

Vụ thứ 3: Từ tháng 9/2010 đến tháng 5/2011, Nguyễn Văn Ch. đã 03 lần vào khu vực rừng phòng hộ núi Lòng Bong thuộc khoảnh 2, tiểu khu 152, thôn Nghĩa Điền, xã Ân Nghĩa, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định để chặt phá rừng làm rẫy. Diện tích rừng bị thiệt hại là 46.324m², loại rừng thiệt hại theo mục đích sử dụng là rừng phòng hộ đầu nguồn, trữ lượng rừng nghèo, rừng thiệt hại là rừng đang phục hồi trạng thái IIA, giá trị thiệt hại là 255.867.000 đồng. Tại Cáo trạng số 19/QĐ-KSĐT ngày 05/6/2013 của VKSND huyện Hoài Ân đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Ch. về tội hủy hoại rừng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. [84, tr. 3]. Tại Bản án số 27/2013/HSST ngày 24/6/2013 của TAND huyện Hoài Ân đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Ch. phạm tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch. 04 năm tù. [58, tr. 3].

Ngày 25/6/2013, bị cáo Nguyễn Văn Ch. kháng cáo xin được giảm án. Tại Bản án số 185/2013/HSPT ngày 28/8/2013 của TAND tỉnh Bình Định chấp nhận kháng cáo. Xử phạt Nguyễn Văn Ch. 03 năm tù về tội hủy hoại rừng. [51, tr. 3].

Vụ thứ 4: Vào khoảng tháng 02 đến tháng 4 năm 2011, bị cáo Nguyễn Văn Nh. đã vào khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn hồ chứa nước Đồng Quang thuộc khoảnh 2, tiểu khu 147, thôn Hương Quang, xã Ân Nghĩa, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định để phá rừng làm rẫy. Tổng diện tích rừng bị thiệt hại là 48.657m², loại rừng thiệt hại là rừng phòng hộ đầu nguồn, trữ lượng là rừng nghèo, rừng thiệt hại là rừng đang phục hồi trạng thái IIA. Tại Cáo trạng số 17/QĐ-KSĐT ngày 30/5/2013 của VKSND huyện Hoài Ân đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Nh. về tội hủy hoại rừng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. [85, tr. 3]. Tại Bản án số 28/2013/HSST ngày 24/6/2013 của TAND huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Nh. phạm tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Nh. 03 năm tù. [57, tr. 3-4].

Ngày 02/7/2013, bị cáo Nguyễn Văn Nh. kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt, hưởng án treo. Tại Bản án số 212/2013/HSPT ngày 23/9/2013 của TAND tỉnh Bình Định chấp nhận kháng cáo. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Nh. 03 năm tù về tội hủy hoại rừng nhưng cho hưởng án treo. [50, tr. 4].

Vụ thứ 5: Trong các năm 2007, 2009, 2010, 2012, Nguyễn Văn H. đã vào khu vực rừng có tục danh Năm Chặng chặt phá rừng trái phép để trồng cây keo lai. Tổng cộng trong 04 năm, bị cáo Nguyễn Văn H. đã chặt phá trái phép cây rừng tự nhiên tại khoảnh 3a, tiểu khu 363A do UBND xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định quản lý, đã gây thiệt hại về rừng diện tích 31.226m², giá trị thiệt hại là 213.246.000 đồng. Tại Cáo trạng số 01/QĐ-KSĐT ngày 27/12/2013 của VKSND huyện Vân Canh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H. về tội hủy hoại rừng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. [92, tr. 5]. Tại Bản án số 02/2014/HSST ngày 20/01/2014 của TAND huyện Vân Canh đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H. phạm tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H. 04 năm tù. [64, tr. 5].

Ngày 24/01/2014, Nguyễn Văn H. kháng cáo xin giảm hình phạt. Tại Bản án số 71/2014/HSPT ngày 21/3/2014 của TAND tỉnh Bình Định chấp nhận kháng cáo. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H. 03 năm tù về tội hủy hoại rừng. [49, tr. 5].

Vụ thứ 6: Trong các năm 2010, 2013, Nguyễn Thanh Ph. đã dùng rựa chặt phá trái phép 4.577m² rừng phòng hộ tại khoảnh 3 tiểu khu 367a do UBND thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định quản lý và 13.459m² rừng sản xuất tại khoảnh 3, tiểu khu 364 do UBND xã Canh Hiệp quản lý. Tổng giá trị thiệt hại là 81.244.457 đồng. Tại Cáo trạng số 17/QĐ-KSĐT ngày 26/11/2014 của VKSND huyện Vân Canh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh Ph. về tội hủy hoại rừng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. [91, tr. 6]. Tại Bản án số 06/2015/HSST ngày 03/4/2015 của TAND huyện Vân Canh đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh Ph. phạm tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Ph. 38 tháng tù. [63, tr. 8].

Ngày 13/4/2015, Nguyễn Thanh Ph. kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại Bản án số 106/2015/HSPT ngày 28/5/2015 của TAND tỉnh Bình Định chấp nhận kháng cáo. Xử phạt Nguyễn Thanh Ph. 03 năm tù về tội hủy hoại rừng. [46, tr. 6-7].

Từ các ví dụ trên cho thấy các vụ án đều bị kháng cáo, kháng nghị và được Tòa án chấp nhận, hình phạt tù được áp dụng luôn ở dưới khung hình phạt và không quá 05 năm tù. Đối tượng tác động của tội phạm hủy hoại rừng trong các ví dụ nêu trên đều là rừng phòng hộ được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999 (chỉ cần trên mức tối đa XPHC thì phạm tội thuộc khoản 3 Điều 189 đối với các hành vi hủy hoại rừng phòng hộ). Mức XPHC của điểm b khoản 5 Điều 20 Nghị định 157/2013/NĐ-CP quy định: “...*Phá rừng phòng hộ từ trên 2.000 m² đến 3.000 m²*” cho nên được xem là hủy hoại rừng phòng hộ khi diện tích rừng phòng hộ bị hủy hoại trên 3.000m². Diện tích rừng phòng hộ bị hủy hoại và việc quyết định hình phạt tội hủy hoại rừng trong các vụ án nêu trên lần lượt là: Vụ thứ nhất: 18.488m², Tòa sơ thẩm xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, Viện kiểm sát kháng nghị Tòa án phúc thẩm chấp nhận xử 03 năm tù. Vụ thứ 2: 5.126,0m², Tòa sơ thẩm xử phạt 03 năm 01 tháng tù, bị cáo kháng cáo Tòa án phúc thẩm chấp nhận xử 03 năm

tù hưởng án treo. Vụ thứ 3: 46.324m², Tòa sơ thẩm xử phạt 04 năm tù, bị cáo kháng cáo Tòa án phúc thẩm chấp nhận xử 03 năm tù. Vụ thứ 4: 48.657m², Tòa sơ thẩm xử phạt 03 năm tù, bị cáo kháng cáo Tòa án phúc thẩm chấp nhận xử 03 năm tù hưởng án treo. Vụ thứ 5: 31.226m², Tòa sơ thẩm xử phạt 04 năm tù, bị cáo kháng cáo Tòa án phúc thẩm chấp nhận xử 03 năm tù. Vụ thứ 6: 4.577m², Tòa sơ thẩm xử phạt 38 tháng tù, bị cáo kháng cáo Tòa án phúc thẩm chấp nhận xử 03 năm tù.

Thực tiễn quyết định hình phạt tội hủy hoại rừng trong các ví dụ trên cho thấy chưa có sự thống nhất giữa diện tích rừng bị thiệt hại và mức hình phạt tương ứng. Diện tích rừng bị thiệt hại đều thuộc điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS năm 1999 là rừng phòng hộ diện tích bị hủy hoại trên 3.000m². Khoản 3 Điều 189 với mức phạt từ 07 năm đến 15 năm. Như vậy, trong vụ thứ nhất diện tích rừng bị hủy hoại 18.488m² nhưng cấp sơ thẩm xử phạt chỉ 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, trong khi đó ở vụ thứ 2 diện tích rừng bị hủy hoại 5.126,0m² (chưa bằng 1/3 diện tích vụ thứ nhất) nhưng cấp sơ thẩm lại xử phạt 03 năm 01 tháng tù hoặc so sánh giữa vụ thứ 4 và vụ thứ 6 nhận thấy: Vụ thứ 4 diện tích rừng bị hủy hoại 48.657m², cấp sơ thẩm xử phạt 03 năm tù trong khi vụ thứ 6 diện tích bị hủy hoại là 4.577m², thì cấp sơ thẩm xử phạt 38 tháng tù. Từ sự chênh lệch không tương xứng giữa hậu quả thiệt hại gây ra và mức xử phạt của Tòa án cấp sơ thẩm tại Bình Định chưa có sự đồng nhất, chưa có sự răn đe, phòng ngừa, đánh đồng chung giữa hành vi phạm tội hủy hoại diện tích rừng nhỏ (trên mức quy định tại điểm b khoản 3) nhưng mức xử phạt hình sự lại cao còn ngược lại diện tích rừng bị hủy hoại lớn gấp mấy lần nhưng mức xử phạt lại thấp (cho hưởng án treo) mặc dù các mức hình phạt đều nằm trong khung quy định và đều đã áp dụng hết tất cả các tình tiết, tăng nặng giảm nhẹ cho người phạm tội như: Đời sống người dân còn thấp, người vi phạm phần lớn là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, việc khắc phục, bồi thường một phần (rất nhỏ) hậu quả, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Đó là một trong những tình tiết giảm nhẹ thường xuyên được các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng để quyết định hình phạt. Do đó, đây là vấn đề bất cập, hạn chế, cho thấy thực tiễn quyết định hình phạt dao động như thế nào, mức phạt bao nhiêu đều

do ý chí chủ quan của cơ quan xét xử nên chưa được khách quan, công bằng. Đối với hình phạt tiền quy định tại khoản 4 Điều 189 BLHS năm 1999 thì từ năm 2013 đến năm 2017 chưa có vụ án nào được áp dụng trên địa bàn tỉnh.

2.3.2. Hạn chế, khó khăn trong quyết định hình phạt tội hủy hoại rừng

Đối với hình phạt tù có thời hạn, Điều 189 BLHS năm 1999 xây dựng với mức án cao nhất của khung hình phạt tù là 15 năm, mức thấp nhất là 06 tháng tù cho nên tính răn đe, nghiêm khắc của pháp luật hình sự đối với các chủ thể phạm tội hủy hoại rừng chưa đạt hiệu quả cao. Đồng thời, biên độ trong khung hình phạt tại Điều 189 BLHS chưa hợp lý, việc quy định khoảng cách rộng sẽ không tránh khỏi việc tùy tiện trong áp dụng hình phạt. Việc quy định khoảng cách hình phạt quá rộng như vậy làm cho việc áp dụng khó chính xác, thậm chí dẫn tới việc áp dụng không công bằng giữa các trường hợp tương tự nhau về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân người phạm tội. Cụ thể tại khoản 1 Điều 189 BLHS quy định mức biên độ phạt tù từ “*phạt tù từ sáu tháng đến năm năm*”; khoản 2 Điều 189 BLHS quy định mức hình phạt từ “*phạt tù từ ba năm đến mười năm*”; khoản 3 của điều luật có biên độ khung hình phạt là “*phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm*”.

Thực tế xử lý tội này trong thời gian qua, cho thấy các cơ quan tiến hành tố tụng do xuất phát từ biên độ khung hình phạt quá lớn cho nên đã áp dụng quy định hình phạt chưa hợp lý, như: Trong vụ án Nguyễn Ngọc H. đã nêu ở mục 2.3.2, phần 2.3 Chương 2, tổng diện tích rừng bị H. hủy hoại là 18.488m² thuộc rừng phòng hộ, phân theo trữ lượng rừng nghèo, trạng thái IIB, số cây bị thiệt hại là 1.171 cây, trữ lượng gỗ bị thiệt hại là 128.8m³, giá trị thiệt hại là 28.704.385 đồng. Nhưng tại Bản án số 29/2013/HSST ngày 25/6/2013 của TAND huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định đã áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 189 BLHS tuyên phạt Nguyễn Ngọc H. 03 năm tù về tội hủy hoại rừng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Điều 243 BLHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung quy định: Khoản 1 Điều 243 BLHS năm 2015 quy định phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; khoản 2 Điều 243 BLHS năm 2015 quy định phạt tù từ 03 năm đến 07 năm; khoản 3 Điều BLHS năm 2015

quy định phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Mức hình phạt trên vẫn chưa khắc phục được tình trạng biên độ dao động của khung hình phạt rộng như tại Điều 189 BLHS năm 1999 và mức hình phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 243 BLHS năm 2015 còn chồng, trùng lên nhau ở mức 03 năm đến 05 năm.

Xuất phát từ biên độ của khung hình phạt tù lớn cho nên các cơ quan tiến hành tố tụng đã áp dụng chưa hợp lý mức hình phạt, thiết nghĩ cần sửa đổi quy định về mức hình phạt tù đối với tội hủy hoại rừng. Những điểm hạn chế, bất cập này là nguyên nhân quan trọng trong việc gây ra những khó khăn cho việc quyết định hình phạt. Thông qua đó làm cho hoạt động đấu tranh phòng, chống tội này chưa đạt được hiệu quả cao. Từ đó, dẫn đến hậu quả là diện tích và chất lượng rừng suy giảm, kéo theo chất lượng môi trường cũng suy giảm nghiêm trọng. Do đó, tác giả nhận thấy cần sớm có những sửa đổi, bổ sung với những giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng, nhằm đảm bảo những yêu cầu và đòi hỏi hiện nay của hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Tiểu kết Chương 2

Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự thông qua hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội hủy hoại rừng đã được các cơ quan tiến hành tố tụng tại Bình Định áp dụng cơ bản chính xác, đảm bảo tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của các hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số điểm bất cập, thiếu sót và hiểu sai các quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người phạm tội trong quá trình áp dụng pháp luật. Chính vì vậy, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, tác giả đã trình bày những quy định của pháp luật có liên quan đến việc định tội danh và quyết định hình phạt liên quan đến tội hủy hoại rừng; đồng thời nêu lên thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự đối với tội hủy hoại rừng tại địa phương.

Trên cơ sở thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng tại địa bàn tỉnh Bình Định, tác giả xin đưa ra các giải pháp nhằm bảo đảm áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng hiện nay tại Chương 3 của Luận văn.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI HỦY HOẠI RỪNG

3.1. Yêu cầu bảo đảm áp dụng đúng quy định pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng

Bình Định là tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của miền Trung, có tổng diện tích đất lâm nghiệp là 383.621,87 ha, diện tích đất có rừng là 306.084,50 ha, gồm: Rừng tự nhiên là 216.412,85 ha, rừng trồng là 89.671,65 ha. Diện tích đất có rừng ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp là 32.914,25 ha (rừng tự nhiên là 1.001,04 ha, rừng trồng là 31.913,21 ha); độ che phủ rừng là 53,95% (tính đến 31/12/2017).

Hiện tại, tỉnh Bình Định đang thực hiện sáu chương trình, dự án lâm nghiệp. Cụ thể là: Dự án Bảo vệ và phát triển rừng; Chương trình 30a; Dự án Hỗ trợ phát triển ngành lâm nghiệp (Dự án WB3); Dự án Khôi phục rừng và quản lý rừng bền vững (Dự án KfW6); Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (Dự án JICA2); Dự án Hỗ trợ đầu tư xây dựng đường lâm nghiệp. Trong thời gian qua tình hình hủy hoại rừng xảy ra nhiều tại các huyện miền núi và trung du như An Lão, Vân Canh, Hoài Ân, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, đặc biệt có những vụ phá rừng với mức độ nghiêm trọng tại xã An Hưng, huyện An Lão; xã Đăk Mang, huyện Hoài Ân và xã Canh Thuận, huyện Vân Canh vào năm 2017 nhưng lực lượng chức năng chậm phát hiện, rừng bị phá với diện tích lớn, khi phát hiện, xử lý thì gặp nhiều khó khăn.

Trước tình hình trên, để bảo đảm áp dụng đúng quy định pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng của các địa phương nói chung và tại tỉnh Bình Định riêng thì cần phải bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn, các quy định phải xuất phát từ những yêu cầu trong thực tế, dựa trên các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; công tác đấu tranh phòng, chống tội hủy hoại rừng phải bằng pháp luật hình sự; thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội hủy hoại rừng trong giai đoạn hiện nay có nhiều diễn biến phức tạp, quy mô cần phải có sự phối hợp của cả hệ thống chính trị.

Thứ nhất, dựa trên các chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi

trường, bảo vệ và phát triển rừng.

Thực hiện chủ trương cải cách tư pháp, trong đó có nhiệm vụ tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, trong thời gian qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều quy định như:

- Nghị quyết số 41 ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã nêu rõ việc tăng cường công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường là: *“Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường...”*.

- Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã thể hiện: *“Hoàn thiện pháp luật về tài nguyên và môi trường theo nguyên tắc quản lý chặt chẽ, phát triển bền vững, bảo đảm kết hợp hài hòa giữa việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên”*.

- Nghị quyết số 24/NQ-TW ngày 03/6/2013 của Bộ Chính trị về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã nêu rõ: *“Chú trọng xây dựng và hoàn thiện pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực có liên quan như đầu tư, thuế, xử lý vi phạm hành chính, dân sự... theo hướng bổ sung, kết hợp khắc phục các chông chéo, xung đột pháp luật nhằm tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho việc thực hiện các nhiệm vụ. Hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp, xung đột trong ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường. Sửa đổi, bổ sung các chế tài hành chính, kinh tế, hình sự... về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, bảo đảm đủ sức răn đe. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật”*.

- Đặc biệt, tại Điều 43 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường”*; khoản 3 Điều 63 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học phải bị xử lý nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại”*.

Như vậy, Đảng và Nhà nước ta đã xác định rõ trong đường lối, chủ trương chỉ đạo của mình về tầm quan trọng của nguồn tài nguyên, của việc bảo vệ và phát triển môi trường; quy định việc xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật nhằm bảo vệ môi trường trước các hành vi vi phạm đáp ứng với yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Thứ hai, công tác đấu tranh phòng, chống, xử lý tội phạm hủy hoại rừng bằng pháp luật hình sự.

Để công tác quản lý của Nhà nước về môi trường nói chung, quản lý rừng nói riêng hoạt động và đạt kết quả tốt, khi có một hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng xảy ra trong thực tế thì sẽ chịu sự điều chỉnh bởi các quy định pháp luật như: Pháp luật hành chính về XPHC, pháp luật dân sự về bồi thường thiệt hại và cao nhất là pháp luật hình sự với các chế tài nghiêm khắc.

Theo số liệu thống kê của Chi Cục Kiểm lâm tỉnh Bình Định, trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2017 thì trung bình mỗi năm Bình Định có hơn 609 vụ vi phạm pháp luật bảo vệ rừng (Bảng 2.7), trong đó các vụ XPHC trung bình mỗi năm khoảng 480 vụ (Bảng 2.9). Tuy nhiên, các biện pháp XPHC chưa mang lại hiệu quả cao, chưa đủ tính răn đe nên vẫn còn nhiều vi phạm. Do đó, việc xử lý các hành vi hủy hoại rừng bằng pháp luật hình sự sẽ mang tính nghiêm khắc, tính trừng trị, răn đe đạt được hiệu quả cao hơn. Yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm hủy hoại rừng bằng pháp luật hình sự càng được Đảng và Nhà nước ta quan tâm bằng các chủ trương, đường lối chỉ đạo cụ thể chính là cơ sở, căn cứ giúp định hướng, hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về tội phạm hủy hoại rừng, nhằm đáp ứng, đảm bảo sự phù hợp với hoạt động thực tiễn.

Thứ ba, thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm hủy hoại rừng trong giai đoạn hiện nay có nhiều diễn biến phức tạp, khó khăn.

Hiện nay, tội phạm hủy hoại rừng của cả nước nói chung và của tỉnh Bình Định nói riêng đang diễn biến hết sức phức tạp với những phương thức, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt. Số lượng tội phạm hủy hoại rừng luôn có xu hướng tăng, nghiêm trọng hơn cả về quy mô, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Cụ thể, theo số liệu thống kê của cơ quan tố tụng tại Bình Định cho thấy, từ năm 2013 đến

năm 2017, TAND hai cấp đã đưa ra xét xử 28 vụ án hình sự về tội hủy hoại rừng, với 34 bị cáo (Bảng 2.10). Trong đó, hiện nay có nhiều vụ án hủy hoại rừng còn nhiều vướng mắc, diện tích rừng bị thiệt hại lớn, nằm trên nhiều địa phương, trách nhiệm liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành. Do đó, yêu cầu các quy định pháp luật hình sự về tội phạm hủy hoại rừng phải có sự sửa đổi, bổ sung, cập nhật liên tục để hoàn thiện hơn, phù hợp hơn với thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm này.

3.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng trong thực tiễn

3.2.1. Hoàn thiện quy định pháp luật hình sự của tội hủy hoại rừng

Như đã phân tích ở các phần trên, quy định và áp dụng các quy định về tội hủy hoại rừng còn nhiều bất cập, làm cho hiệu quả của hoạt động đấu tranh phòng, chống loại tội phạm hủy hoại rừng chưa đạt hiệu quả cao. Trong đó, nguyên nhân quan trọng xuất phát từ chính những quy định bất cập, chưa rõ ràng, chưa hợp lý của pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng. Mặc dù, BLHS năm 2015 đã đáp ứng được những yêu cầu cải cách tư pháp trong tình hình mới của đất nước, phần nào đã khắc phục được những vướng mắc, tồn tại của BLHS năm 1999 trong đó có tội hủy hoại rừng. Tuy nhiên, do BLHS năm 2015 mới có hiệu lực thi hành, thực tiễn áp dụng chưa nhiều, về quy định cũng có những hạn chế nhất định. Do đó, tác giả xin đưa ra một số giải pháp nhằm bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng quy định tại Điều 243 BLHS năm 2015 như sau:

3.2.1.1. Hoàn thiện quy định về đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng

Việc quy định đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng trong Điều 243 BLHS năm 2015 mặc dù quy định cụ thể diện tích bị thiệt hại đối với các loại cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh, rừng thuộc rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất, giá trị lâm sản bị thiệt hại và các loài thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm bị thiệt hại theo mức định lượng quy định. Tuy nhiên, Điều 243 BLHS năm 2015 đã có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 (BLHS năm 1999 và các văn bản hướng dẫn Điều 189 BLHS năm 1999 đã hết hiệu lực thi hành) nhưng hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể. Đồng thời, việc quy định các

căn cứ giúp xác định rừng thuộc đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng hay đối tượng tác động của tội hủy hoại tài sản trong BLHS hiện hành là chưa có cũng như Luật Lâm nghiệp năm 2017 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 sẽ thay thế cho Luật BV&PTR năm 2004) cũng không đề cập, nêu rõ và giải quyết được hạn chế này.

Do đó, khi áp dụng quy định về tội hủy hoại rừng, các cơ quan tiến hành tố tụng ở một số địa phương áp dụng chưa thống nhất các yếu tố để cấu thành tội phạm hủy hoại rừng. Có địa phương cơ quan áp dụng pháp luật xem các loài cây cỏ, bụi cây, dây leo là đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng và truy cứu TNHS, có địa phương không xem là đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng nên không truy cứu TNHS mà áp dụng XPHC. Hiện nay, việc lựa chọn cách giải quyết nào do ý chí chủ quan của cơ quan áp dụng pháp luật. Đồng thời, thực tiễn áp dụng quy định về tội hủy hoại rừng, trong một số trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng đã định tội danh chưa đúng do xác định đối tượng tác động thuộc tội phạm cụ thể chưa chính xác, đó là giữa tội hủy hoại rừng với tội hủy hoại tài sản. Nguyên nhân của việc không thống nhất này là do xuất phát từ lý luận về đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng còn nhiều điểm chưa rõ. Do đó, tác giả đưa ra giải pháp sau:

Thứ nhất, các cơ quan lập pháp cần có quy định rõ các loại cây cỏ, bụi cây, dây leo là đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng, cụ thể hóa hơn nữa Điều 243 vào trong văn bản hướng dẫn, hướng dẫn về đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng bao gồm các loại cây cỏ, bụi cây, dây leo. Do đó, tác giả cho rằng cần quy định thêm nội dung trong văn bản hướng dẫn:

- Trường hợp diện tích rừng bị thiệt hại bao gồm cả diện tích các loại cây cỏ, bụi cây, dây leo thì xác định diện tích bị thiệt hại hoặc giá trị lâm sản bị thiệt hại bao gồm cả các loại cây cỏ, bụi cây, dây leo để làm căn cứ truy cứu TNHS.

- Trường hợp diện tích rừng bị thiệt hại chỉ có các loại cây cỏ, bụi cây, dây leo và hiện tại trên diện tích đất lâm nghiệp đã được cải tạo, trồng mới lại bằng các loại cây rừng khác thì chỉ bị XPHC do hành vi phát dọn cây rừng trái phép. Nhưng nếu trước đó đã bị XPHC về hành vi này mà còn tiếp tục vi phạm thì phải truy cứu TNHS.

- Trường hợp diện tích rừng phòng hộ hoặc rừng đặc dụng không có cây lớn mà chỉ có cây cỏ, bụi cây, dây leo. Nếu diện tích rừng bị thiệt hại là cây cỏ, bụi cây, dây leo thì phải truy cứu TNHS vì tính chất quan trọng của rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.

Thứ hai, cần bổ sung thêm quy định nhằm xác định đối tượng tác động thuộc loại tội nào như một số quy định khác của BLHS, đưa quy định này vào trong Điều 243 BLHS năm 2015 như: “*Nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 178 của Bộ luật này*” để tạo điều kiện thuận lợi trong xác định đối tượng tác động nhằm áp dụng chính xác điều luật về tội hủy hoại rừng.

Do đó, Điều 243 BLHS năm 2015 cần sớm có quy định hướng dẫn phân đối tượng tác động giữa tội hủy hoại rừng và tội hủy hoại tài sản, cụ thể:

Trường hợp đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng trồng, rừng khoanh nuôi tái sinh đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao cho tổ chức, tập thể, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp mà người được giao đã bỏ vốn đầu tư trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ... thì bị xử lý như sau: Nếu chủ rừng đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 243 BLHS năm 2015. Nếu người đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng mà không phải là chủ rừng thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo các điều luật tương ứng quy định tại Chương XVI - Các tội xâm phạm sở hữu của BLHS. [1, tr. 8].

3.2.1.2. Hoàn thiện quy định về tình tiết định khung hình phạt của tội hủy hoại rừng

Điều 243 BLHS năm 2015 đã khắc phục được hạn chế đối với Điều 189 BLHS năm 1999 khi xét xử hành vi hủy hoại rừng phải viện dẫn và căn cứ vào định lượng quy định tại Thông tư số 19/2007/TTLT và Nghị định 157/2013/NĐ-CP, Điều 243 BLHS năm 2015 đã quy định trực tiếp định lượng về diện tích, giá trị lâm sản bị thiệt hại khi xây dựng các khung hình phạt cơ bản của mình.

Thực tế, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng có giá trị và ý nghĩa cho sự phát triển của đất nước và đời sống con người vô cùng to lớn, cần được bảo vệ đặc biệt.

Hiện nay, diện tích các loại rừng ngày càng giảm sút nhanh chóng, trong đó rừng phòng hộ, rừng đặc dụng liên tục bị xâm hại nên diện tích ngày càng suy giảm. Điều 243 BLHS năm 2015 quy định rừng phòng hộ và rừng đặc dụng có định lượng để xác định khung hình phạt cao hơn so với quy định tại Điều 189 BLHS 1999 sẽ dẫn tới nhiều hệ lụy nghiêm trọng, trong đó nguy hiểm nhất là khả năng bảo vệ môi trường, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu của rừng phòng hộ bị đe dọa nghiêm trọng; mất di sản quốc gia, mất di tích lịch sử, văn hóa... của rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Việc BLHS năm 2015 quy định các yếu tố định khung cơ bản đối với 02 loại rừng này là chưa phù hợp. Vì vậy, tác giả kiến nghị cần phải sửa đổi Điều 243 BLHS năm 2015 theo hướng giảm về định lượng diện tích bị thiệt hại của rừng phòng hộ và rừng đặc dụng trong các quy định của khung hình phạt, như sau:

Bảng 3.1. Đề nghị mức định lượng mới của rừng phòng hộ và rừng đặc dụng

Loại rừng	Định lượng theo BLHS năm 2015			Định lượng đề nghị sửa đổi		
	Khoản 1	Khoản 2	Khoản 3	Khoản 1	Khoản 2	Khoản 3
Rừng phòng hộ	3.000m ² đến dưới 7.000m ²	7.000m ² đến dưới 10.000m ²	10.000m ² trở lên	2.000m ² đến dưới 5.000 m ²	5.000m ² đến dưới 7.000m ²	7.000m ² trở lên
Rừng đặc dụng	1.000m ² đến dưới 3.000m ²	3.000m ² đến dưới 5.000m ²	5.000m ² trở lên	1.000m ² đến dưới 2.000m ²	2.000m ² đến dưới 5.000m ²	Giữ nguyên

3.2.1.3. Hoàn thiện quy định về hình phạt của tội hủy hoại rừng

Việc quy định hình phạt tại Điều 243 BLHS năm 2015 về tội hủy hoại rừng vẫn còn tồn tại một số bất cập, như:

- *Thứ nhất*, hình phạt tiền vừa là hình phạt chính vừa là hình phạt bổ sung hiện nay chưa tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

- *Thứ hai*, hình phạt tù có thời hạn quy định với mức dao động của khung hình phạt lớn (khoản 1 thì từ 01 đến 05 năm, khoản 2 thì từ 03 đến 07 năm, khoản 3 thì từ 07 đến 15 năm), nên việc quyết định hình phạt chưa thể hiện sự khách quan mà dựa trên ý chí chủ quan của các cơ quan xét xử.

Việc quy định về hình phạt trong tội hủy hoại rừng chưa thể hiện được mức tương ứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội hủy hoại rừng gây ra, cách xây dựng quy định của nhà lập pháp chưa phù hợp với biên độ dao động lớn, cùng như khả năng dự liệu cho quy định hình phạt và mức hình phạt chưa cao. Khi xây dựng BLHS năm 2015, nhà lập pháp còn theo tư duy của BLHS năm 1999, chưa xây dựng, so sánh hậu quả thiệt hại của hành vi hủy hoại rừng với mức độ ảnh hưởng đến đời sống xã hội, ảnh hưởng đến môi trường như hiện nay.

Điều 243 BLHS năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, về hình phạt và mức hình phạt có sự điều chỉnh so với Điều 189 BLHS năm 1999. Tuy nhiên, xét về mặt toàn diện thì vẫn chưa phù hợp trong tình hình kinh tế, xã hội của đất nước phát triển, tình hình tội phạm về hủy hoại rừng diễn biến ngày càng phức tạp, quy mô như hiện nay. Khi xây dựng Điều 243 BLHS 2015, nhà làm luật vẫn xây dựng mức giao động của khung hình phạt giữa khoản 1 và khoản 2 còn rất lớn.

Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định về hình phạt trong tội hủy hoại rừng như sau:

Thứ nhất, về mức phạt tiền quy định tại khoản 4 Điều 243 BLHS năm 2015: Mức phạt tiền tại khoản 1 giữa Điều 189 BLHS năm 1999 và Điều 243 BLHS năm 2015 tăng gấp 05 lần, trong khi tại khoản 4 Điều 189 và Điều 243 chỉ tăng gấp 04 lần so với mức tối thiểu và 02 lần so với mức tối đa. Do đó, trong thời gian tới cần phải có sự điều chỉnh lại cho phù hợp.

Thứ hai, việc quy định mức hình phạt tù giữa khoản 2 và khoản 3 Điều 243 BLHS năm 2015 có sự phân định rõ ràng. Tuy nhiên, quy định của khoản 1 là từ 01 năm đến 05 năm và khoản 2 từ 03 năm đến 07 năm của điều luật này hình phạt có sự chồng, trùng nhau trong khoản thời gian 03 năm đến 05 năm. Từ thực tiễn tố tụng của tỉnh Bình Định, những đối tượng có hành vi hủy hoại rừng thường đi cùng với rất nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Nhận thức kém về pháp luật, là người dân tộc thiểu số; sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn; gia đình có hoàn cảnh khó khăn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải... Như vậy, sẽ xảy ra những trường hợp đối tượng mặc dù phạm tội tại khoản 1 nhưng lại bị xử nặng hơn đối tượng khác phạm

tội ở khoản 2. Việc áp dụng pháp luật để quyết định hình phạt ở các địa phương sẽ không có sự thống nhất. Do đó, cần phải có sự phân định, điều chỉnh mức hình phạt giữa khoản 1 và khoản 2 Điều 243 BLHS năm 2015 giống như quy định giữa khoản 2 và khoản 3 điều này. Cụ thể sửa đổi như sau: Mức phạt tù tại khoản 1 từ 01 đến 03 năm, khoản 2 từ 03 năm đến 07 năm thì sẽ hợp lý hơn.

3.2.2. Hướng dẫn, giải thích quy định của pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng

Hướng dẫn, giải thích quy định của pháp luật hình sự là một trong những biện pháp chủ đạo mang tính chiến lược trong việc bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng. Tình hình áp dụng pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng hiện nay còn nhiều mâu thuẫn, không thống nhất trong luật và các văn bản pháp luật dưới luật; cách hiểu và áp dụng pháp luật của chủ thể có thẩm quyền áp dụng pháp luật còn có sự khác nhau; các quy định pháp luật chưa rõ ràng, có sự chông chéo giữa luật nội dung và luật chuyên ngành, nhiều quy định chưa thể hiện tính răn đe, nghiêm trị hành vi phạm tội, tạo kẽ hở cho tội phạm và các chủ thể áp dụng pháp luật phát sinh sự thiếu khách quan, dễ nảy sinh tiêu cực.

BLHS năm 2015 đã cập nhật đổi mới, phần nào khắc phục được những hạn chế, vướng mắc, khó khăn của BLHS năm 1999. Tuy nhiên, so với Điều 189 BLHS năm 1999 có Thông tư 19/2007/TTLT hướng dẫn áp dụng một số điều của BLHS về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản nhưng Điều 243 BLHS năm 2015 (đã có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018) với nhiều tiến bộ trong kỹ thuật lập pháp, quy định cụ thể mức định lượng về diện tích, giá trị lâm sản bị thiệt hại nhưng Điều 243 hiện nay chưa có bất kỳ một văn bản nào hướng dẫn, giải thích chi tiết, rõ ràng hơn các quy định trong điều luật.

Trong tội phạm môi trường nói chung, không có tội phạm nào được phân loại là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, trong khi hậu quả của tội phạm này gây ra cho môi trường, cho tài sản, cho sức khỏe con người là rất lớn. Việc phân loại tội phạm môi trường theo quy định tại Điều 9 BLHS năm 2015 nhưng vẫn chưa cụ thể đối với loại tội phạm môi trường này. Mặt khác, đối với chủ thể pháp nhân thương

mại là một chủ thể mới, lần đầu tiên được BLHS năm 2015 quy định và điều luật quy định chủ thể pháp nhân thương mại phạm tội hủy hoại rừng chỉ bị áp dụng hình phạt tiền. Đồng thời, việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại hoạt động trong lĩnh vực môi trường là vấn đề mới được quy định trong BLHS năm 2015 nên việc thực thi sẽ gặp nhiều lúng túng, khó khăn. Nhiều pháp nhân thương mại là những công ty trách nhiệm hữu hạn do các cá nhân lập ra, quyền và nghĩa vụ của công ty gắn với quyền và nghĩa vụ của cá nhân (người đại diện theo pháp luật) cũng như việc giải thể pháp nhân do cá nhân (người đại diện theo pháp luật) quyết định. Việc truy cứu TNHS chỉ có thể tiến hành nếu chủ thể của tội phạm là cá nhân còn sống và pháp nhân còn tồn tại. Khi phát hiện được hành vi vi phạm pháp luật thì pháp nhân đó không còn tồn tại trên thực tế nên không thể truy cứu TNHS. Vì vậy, nhà lập pháp cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể các vấn đề liên quan đến chủ thể pháp nhân thương mại đối với quy định tại khoản 5 Điều 243 BLHS năm 2015 để việc áp dụng pháp luật vào thực tế được thuận lợi, dễ dàng và đạt hiệu quả.

3.2.3. Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự

Việc tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với việc xử lý các hành vi hủy hoại rừng tại các cơ quan ban ngành ở Trung ương và địa phương cũng như việc tổ chức các hội thảo chuyên đề có sự tham gia và tư vấn của các nhà chuyên gia, nhà khoa học, nhà nghiên cứu, cán bộ hoạt động thực tiễn... nhằm phân tích, làm rõ tình hình như kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân trong việc xử lý các hành vi hủy hoại rừng hiện nay là hết sức cần thiết và bổ ích.

Trong giai đoạn hiện nay, nền kinh tế ngày càng phát triển, đời sống xã hội ngày càng nâng cao dẫn đến nhiều mặt trái của xã hội, tồn tại nhiều bất cập, hạn chế trong công tác quản lý Nhà nước, quản lý xã hội; bất cập, hạn chế trong hệ thống chính sách, pháp luật và công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; bất cập, hạn chế trong công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật là những nguyên nhân chính và chủ yếu dẫn đến việc áp dụng pháp luật hình sự nói chung và áp dụng Điều 243 BLHS năm 2015 nói riêng chưa thống nhất, chưa đảm bảo được việc xử lý tội phạm công bằng, đúng với bản chất của hành vi phạm tội. Do đó, công tác tổng kết

thực tiễn rất quan trọng, mặc dù Điều 243 BLHS năm 2015 mới được áp dụng, thời gian thực tiễn chưa có. Tuy nhiên, các nhà lập pháp, các nhà áp dụng pháp luật trong thời gian đến cần quyết liệt hơn trong việc đưa ra các giải pháp nhằm hạn chế, khắc phục trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm hủy hoại rừng, trong việc áp dụng pháp luật của các chủ thể có thẩm quyền. Đồng thời, việc tổng kết thực tiễn là rất cần thiết, đó là bước chuẩn bị, tiền đề trong việc đưa ra định hướng, đề xuất những sửa đổi, bổ sung trong các quy định của pháp luật hình sự về tội phạm hủy hoại rừng cho thời gian tiếp theo.

3.2.4. Nâng cao năng lực, đạo đức của cán bộ áp dụng pháp luật hình sự

Để đảm bảo chất lượng của hoạt động áp dụng pháp luật hình sự nói chung và các quy định của Điều 243 BLHS năm 2015 về tội hủy hoại rừng nói riêng thì việc nâng cao năng lực và đạo đức của cán bộ áp dụng pháp luật hình sự có ý nghĩa hết sức quan trọng. Bởi suy cho cùng công tác cán bộ là yếu tố con người - chủ thể trực tiếp áp dụng pháp luật. Nâng cao trình độ năng lực, đạo đức, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ thuộc cơ quan CA, VKSND, TAND, Kiểm lâm, Bội đội Biên phòng trong công tác đấu tranh, phòng chống, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng. Đổi mới mạnh mẽ phương thức chỉ đạo, điều hành và phối hợp trong hoạt động của cơ quan chức năng có trách nhiệm bảo vệ rừng theo hướng nhanh, gọn, hiệu quả; phân công, phân nhiệm và phân cấp rõ ràng trong từng lĩnh vực công tác... trong đó đặc biệt chú trọng đến giải pháp nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ trong công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

Có chính sách khuyến khích cán bộ áp dụng pháp luật hình sự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng với nhiệm vụ được giao, kịp thời cập nhật văn bản pháp luật chuyên ngành, thường xuyên tổ chức tập huấn, hội thảo chuyên đề để rút kinh nghiệm trong thực tiễn áp dụng pháp luật. Nâng cao công tác đào tạo, đào tạo lại, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học cho cán bộ, công chức của các ngành tư pháp cần được tiến hành thường xuyên, trong đó chú trọng tập huấn các văn bản pháp luật mới, kỹ năng điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hủy hoại rừng phức tạp, dư luận xã hội quan

tâm; thông báo rút kinh nghiệm về công tác điều tra, truy tố và xét xử cho đội ngũ cán bộ và tập huấn các kiến thức liên quan tới công tác giải quyết các vụ án hình sự.

Nâng cao năng lực tư duy, logic cho đội ngũ cán bộ trong công tác điều tra, truy tố, xét xử. Hoạt động chính và chủ yếu của đội ngũ cán bộ trong công tác điều tra, truy tố, xét xử là áp dụng pháp luật cũng là một dạng đặc biệt của thực hiện pháp luật, căn cứ vào các quy định pháp luật để ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt các quyền và nghĩa vụ pháp lý trong các quan hệ pháp luật hình sự cụ thể. Trong đó, đặc biệt là nâng cao trình độ năng lực tư duy, logic của đội ngũ Thẩm phán là yếu tố trực tiếp quyết định đến chất lượng áp dụng pháp luật hình sự của cơ quan xét xử.

Bên cạnh nâng cao năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác điều tra, truy tố, xét xử, cần chú trọng giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ này, cho lực lượng bảo vệ rừng tại địa phương; tăng cường công tác quản lý cán bộ, quản lý công việc, hạn chế những vi phạm, sai sót trong quá trình áp dụng pháp luật; kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi tiêu cực trong quá trình áp dụng pháp luật; biểu dương, khích lệ những việc làm tích cực trong công tác phòng chống tham nhũng. Đồng thời, đẩy mạnh tinh thần hợp tác giữa các ban, ngành, các cấp... trong quá trình áp dụng pháp luật; đặc biệt là sự phối hợp chặt chẽ của lực lượng chức năng có trách nhiệm bảo vệ rừng để rút kinh nghiệm công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án điếm, án đặc biệt nghiêm trọng, những vụ án phức tạp hoặc được dư luận xã hội quan tâm.

3.2.5. Tạo cơ chế độc lập, cơ sở vật chất và chế độ đãi ngộ cho cán bộ xử lý tội phạm

Trong hoạt động của các cơ quan CA, VKSND, TAND, Kiểm lâm, Bộ đội Biên phòng và các lực lượng khác liên quan đến việc phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật nói chung và hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng nói riêng thì cán bộ, cơ quan có thẩm quyền được luật quy định có toàn quyền xem xét, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, kết luận và quyết định theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn mà được pháp luật quy định. Chẳng hạn, khi phát hiện hành vi chặt phá rừng, thì lực

lượng chức năng có trách nhiệm bảo vệ rừng tại địa phương đó có quyền xem xét, điều tra ban đầu, kết luận để quyết định XPHC hay truy cứu TNHS. Như vậy, tính độc lập trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử rất quan trọng thông qua các quy định về vị trí, chức năng, thẩm quyền của từng cơ quan, mà người trực tiếp xử lý là các cán bộ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Kiểm lâm viên. Hiện nay, quan điểm của Đảng ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền, thực hiện tính thượng tôn pháp luật, trong đó pháp luật thể hiện sự nghiêm minh, áp dụng có hiệu quả hay không dựa trên tính độc lập của người cán bộ khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định.

Mặc dù thực tế hiện nay, khi xử lý các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng đặc biệt là các vụ hủy hoại rừng với diện tích lớn, liên quan đến trách nhiệm của các cơ quan, ban ngành, được dư luận xã hội quan tâm thì công tác xử lý gặp nhiều khó khăn, sự đùn đẩy trách nhiệm, chờ ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên làm cho tính độc lập của người cán bộ giải quyết trực tiếp bị động. Do đó, để tạo cơ chế độc lập cho cán bộ xử lý tội phạm thì cần có định hướng, tạo cơ chế bình đẳng, xóa bỏ tiêu cực, gây khó khăn “*quyền anh, quyền tôi*”, “*án bỏ túi*” trong hoạt động, chỉ đạo, điều hành là yêu cầu cần thiết hiện nay.

Đồng thời, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, đảm bảo cho các cơ quan chức năng có trách nhiệm bảo vệ rừng có đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ. Các cơ quan đảm bảo được cấp đủ kinh phí để xây dựng trụ sở làm việc, đảm bảo được cung cấp đầy đủ trang thiết bị, phương tiện làm việc tiên tiến, phù hợp tính chất đặc thù của từng đơn vị; đảm bảo đủ kinh phí cho hoạt động điều tra, xác minh, cho hoạt động thu thập thông tin về tội phạm của cơ sở, cho hoạt động phối hợp trong công tác của các lực lượng chức năng tại địa phương, của cấp trên và cấp dưới.

Có chế độ chính sách, đãi ngộ hợp lý đối với đội ngũ cán bộ làm công tác áp dụng pháp luật, xử lý tội phạm nói chung và tội phạm về hủy hoại rừng nói riêng để động viên, nâng cao tinh thần nhiệt huyết, trách nhiệm đối với công việc.

3.2.6. Các giải pháp khác

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; tăng cường công tác quản lý của chính quyền địa phương; trong nhiệm vụ, quyền hạn được giao các cơ quan có liên quan đến công tác bảo vệ rừng cần chủ động đề ra mục tiêu, phương hướng và xây dựng kế hoạch tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên rừng; các cơ quan, ban ngành cần ký kết các quy chế phối hợp, phân công cụ thể và quy định rạch ròi trách nhiệm, nhằm tránh sự chồng chéo trong quá trình thực chức năng, nhiệm vụ tại địa phương và hạn chế sự đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan có thẩm quyền trong công tác bảo vệ tài nguyên rừng. Đa số người dân vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng có đời sống còn thấp, là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, trình độ hiểu biết và nhận thức pháp luật còn hạn chế nên từng cơ quan cần tiến hành đổi mới phương thức và đa dạng hóa công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên rừng giúp cho người dân hiểu, nắm bắt được các chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước trong công tác bảo vệ rừng. Hàng năm, cần tổng kết tình hình thực hiện, thành tích đạt được, những hạn chế và nguyên nhân để đưa ra cách tuyên truyền, phổ biến mới có chất lượng, hiệu quả hơn, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm của từng địa phương, đơn vị có trách nhiệm. Đồng thời, lồng ghép các chương trình văn hóa, tăng cường xét xử lưu động và xét xử nghiêm minh tội phạm. Các ngành, các cấp chính quyền, đặc biệt là cấp xã cần nhận thức đầy đủ, tổ chức thực hiện nghiêm túc trách nhiệm quản lý Nhà nước về rừng tại địa phương.

Xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị bảo vệ rừng tại địa phương có rừng như: Xây dựng các công trình phòng cháy, chữa cháy rừng; lực lượng chữa cháy rừng tại chỗ, bảo vệ rừng tại địa phương; đầu tư xây dựng các trung tâm huấn luyện, đào tạo chuyên ngành cho lực lượng bảo vệ rừng; trang bị phương tiện đáp ứng yêu cầu công tác hiện trường cho lực lượng chức năng ở các điểm nóng, phức tạp, vùng sâu, vùng xa; xây dựng cơ quan giám định, định giá tài sản và đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao để xác định diện tích, giá trị

lâm sản bị thiệt hại khi có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng xảy ra nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn hiện nay.

Tiểu kết Chương 3

Trên cơ sở thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định tác giả đã đưa ra một số biện pháp nhằm bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng cụ thể là: Các yêu cầu bảo đảm áp dụng đúng quy định pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng; hoàn thiện quy định pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng trong đó có hoàn thiện quy định về đối tượng tác động, hoàn thiện quy định về tình tiết định khung hình phạt, hoàn thiện quy định về hình phạt của tội hủy hoại rừng; thông qua hướng dẫn, giải thích quy định của pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng giúp việc hiểu và vận dụng khi xử lý vi phạm và giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn một cách chính xác; tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, vận dụng khi xử lý vi phạm và giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn; nâng cao năng lực và đạo đức của cán bộ áp dụng pháp luật hình sự; tạo cơ chế độc lập cho cán bộ xử lý tội phạm, cơ sở vật chất, chế độ đãi ngộ là góp phần nâng cao năng lực tư duy logic, góp phần vào việc nâng cao hoạt động áp dụng pháp luật và một số giải pháp khác như: Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị bảo vệ rừng nhằm để nâng cao hiệu quả, chất lượng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hủy hoại rừng.

KẾT LUẬN

Rừng bên cạnh những giá trị về mặt an ninh, quốc phòng, giá trị về mặt kinh tế cao thì rừng còn có vai trò rất quan trọng trong việc giữ cân bằng hệ sinh thái và sự đa dạng sinh học cho từng quốc gia trong đó có nước ta. Rừng được mệnh danh là “cỗ máy điều hòa” không khí khổng lồ, là nơi giúp điều tiết các vấn đề liên quan thời tiết, là môi trường sống cho rất nhiều giống loài động vật, thực vật và con người... cho nên, bảo vệ rừng chính là bảo vệ môi trường sống. Nhận thức được tầm quan trọng của rừng và lợi ích trong việc bảo vệ, phát triển rừng đối với sự phát triển bền vững của quốc gia, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hủy hoại rừng nói riêng, các tội xâm phạm về môi trường nói chung được nước ta và các quốc gia trên thế giới luôn chú trọng và ngày càng đẩy mạnh, như là một nhiệm vụ của quá trình phát triển đất nước.

Qua nghiên cứu về mặt lý luận trong quy định của pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng cũng như qua nghiên cứu, đánh giá thực trạng diễn biến rừng qua các năm; nghiên cứu, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định này qua các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử trên địa bàn tỉnh Bình Định trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2017, Luận văn đã làm sáng tỏ được những vấn đề lý luận và pháp luật cơ bản của tội hủy hoại rừng như: Khái niệm, các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội hủy hoại rừng qua các giai đoạn, các quy định về cấu thành tội phạm và các quy định về hình phạt. Việc phân tích các quy định về cấu thành tội phạm (các dấu hiệu định tội và các dấu hiệu định khung hình phạt) và các quy định về hình phạt của tội hủy hoại rừng được quy định tại Điều 243 BLHS năm 2015, cho thấy được ý nghĩa của việc sửa đổi, bổ sung tội hủy hoại rừng của BLHS năm 2015 là rất cần thiết, rất quan trọng; giúp cho các cơ quan áp dụng pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng được dễ dàng, thuận tiện, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn trong công tác đấu tranh phòng, chống tội này. Đồng thời, Luận văn phân biệt tội hủy hoại rừng với một số tội phạm khác để từ đó rút ra được những ưu điểm, hạn chế trong quy định của tội hủy hoại rừng. Qua đó, thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự thông qua hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội hủy hoại

rừng đã được các cơ quan tiến hành tố tụng tại Bình Định áp dụng cơ bản chính xác, đảm bảo tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của các hành vi phạm tội. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số điểm bất cập, thiếu sót và hiểu sai các quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người phạm tội trong quá trình áp dụng pháp luật. Chính vì vậy, tác giả đã đưa ra một số biện pháp nhằm bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng cụ thể là: Các yêu cầu bảo đảm áp dụng đúng quy định pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng; hoàn thiện quy định pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng trong đó có hoàn thiện quy định về đối tượng tác động, hoàn thiện quy định về tình tiết định khung hình phạt, hoàn thiện quy định về hình phạt của tội hủy hoại rừng; thông qua hướng dẫn, giải thích quy định của pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng giúp việc hiểu, vận dụng khi xử lý vi phạm và giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn một cách chính xác; tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự và vận dụng khi xử lý vi phạm và giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn; nâng cao năng lực và đạo đức của cán bộ áp dụng pháp luật hình sự; tạo cơ chế độc lập cho cán bộ xử lý tội phạm, cơ sở vật chất, chế độ đãi ngộ là góp phần nâng cao năng lực tư duy logic, góp phần vào việc nâng cao hoạt động áp dụng pháp luật và một số giải pháp khác như: Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị bảo vệ rừng.

Tội hủy hoại rừng quy định tại Điều 243 BLHS năm 2015 so với Điều 189 BLHS năm 1999 có rất nhiều điểm mới, thuận tiện hơn trong công tác áp dụng và tuân thủ pháp luật. Nhưng hiện nay, quy định chỉ được thể hiện duy nhất trong điều luật chứ chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể do vậy việc hiểu rõ, hiểu đúng, biết và nắm vững các quy định của Điều 243 BLHS năm 2015 để tránh những thiếu sót, hạn chế trong việc áp dụng và quá trình giải quyết các vụ án về tội hủy hoại rừng, nhằm mục đích đáp ứng tốt nhất yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm thông qua công tác điều tra, truy tố, xét xử là hết sức cần thiết. Trên cơ sở đánh giá đúng bản chất vụ án, quyết định hình phạt tương xứng với tính chất nguy hiểm cho xã hội, mức độ, hậu quả do tội phạm gây ra, để hình phạt không chỉ nhằm răn đe,

phòng ngừa mà còn phải phát huy được tính chất giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức của công dân đối với việc tôn trọng pháp luật, nhằm giải quyết được nguyên nhân hủy hoại rừng.

Mặc dù tác giả đã cố gắng, nhưng do vấn đề nghiên cứu phức tạp, khả năng và kinh nghiệm nghiên cứu khoa học của tác giả còn hạn chế nên khó tránh khỏi những thiếu sót, nhược điểm nhất định. Tác giả mong nhận được sự góp ý của các nhà khoa học và những người quan tâm đến vấn đề này cũng như mong muốn những nghiên cứu của Luận văn sẽ được các nhà lập pháp quan tâm, cân nhắc trong quá trình áp dụng nhằm hoàn thiện hơn các quy định pháp luật hình sự về tội hủy hoại rừng. Qua đó, nhằm hạn chế tội phạm môi trường nói chung và tội phạm hủy hoại rừng nói riêng để quản lý, bảo vệ, thúc đẩy sự phát triển của nguồn tài nguyên rừng quý báu, vô giá của đất nước, góp phần cho sự phát triển ổn định, lâu dài và bền vững của môi trường sinh thái.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tư pháp - Bộ Công an - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao (2007) *Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BCA-VKSNDTC-TANDTC hướng dẫn áp dụng một số Điều của BLHS về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản*, ban hành ngày 08/3/2007, Hà Nội.
2. Bộ Lâm nghiệp (1977) *Thông tư số 3984-LN/KL hướng dẫn việc xử phạt hành chính đối với các vi phạm luật bảo vệ rừng*, ban hành ngày 15/10/1977, Hà Nội.
3. Bộ Nội vụ và Canh nông (1946) *Thông tư số 1303-BCN/VP về việc bảo vệ rừng rú*, ban hành ngày 28/6/1946, Hà Nội.
4. Chính phủ (2013) *Nghị định số 157/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản*, ban hành ngày 11/11/2013, Hà Nội.
5. Chính phủ (2013) *Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính*, ban hành ngày 19/7/2013, Hà Nội.
6. Lê Cẩm (2004) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
7. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh (2017) *Bản kết luận điều tra số 54/KLĐT*, ban hành ngày 05/6/2017, Vĩnh Thạnh, Bình Định.
8. Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Định (2017) *Báo cáo số 1396/BC-CCKL 05 năm thực trạng quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2013 đến năm 2017*, ban hành ngày 28/12/2017, Bình Định.
9. Chi cục Kiểm Lâm tỉnh Bình Định (2017) *Báo cáo số 1265/BC-CCKL tổng kết hoạt động bảo vệ và phát triển rừng năm 2017*, ban hành ngày 12/12/2017, Bình Định.

10. Chi cục Kiểm Lâm tỉnh Bình Định (2016) *Báo cáo số 1418/BC-CCKL tổng kết hoạt động bảo vệ và phát triển rừng năm 2016*, ban hành ngày 14/12/2016, Bình Định.

11. Chi cục Kiểm Lâm tỉnh Bình Định (2015) *Báo cáo số 1159/BC-CCKL tổng kết công tác quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản năm 2015*, ban hành ngày 16/12/2015, Bình Định.

12. Chi cục Kiểm Lâm tỉnh Bình Định (2014) *Báo cáo số 1057/BC-CCKL tổng kết công tác quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản năm 2014*, ban hành ngày 17/12/2014, Bình Định.

13. Chi cục Kiểm Lâm tỉnh Bình Định (2013) *Báo cáo số 09/BC-CCKL ngày tổng kết công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2013*, ban hành 03/01/2014, Bình Định.

14. Lê Văn Đệ (2004) *Định tội danh và Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

15. Bạch Xuân Hòa (2014) *Bảo vệ tài nguyên rừng bằng pháp Luật Hình sự ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.

16. Nguyễn Ngọc Hòa (2008) *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

17. Đinh Bích Hà (2007) *Dịch và giới thiệu Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

18. Hội đồng Thẩm phán TANDTC (1988) *Nghị quyết số 02/HĐTP/NQ ngày 16/11/1988 về hướng dẫn bổ sung Nghị quyết số 02-HĐTP*, ban hành ngày 05/01/1986, Hà Nội.

19. Trần Văn Luyện, Phùng Thế Vắc, Lê Văn Thư, Nguyễn Mai Bộ, Phạm Thanh Bình, Nguyễn Ngọc Hà, Phạm Thị Thu (2017) *Bình luận khoa học BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

20. Phạm Văn Lợi (2004) *Tội phạm về môi trường, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

21. Nguyễn Lân (2000) *Từ điển Từ và Ngữ Việt Nam*, Nxb thành phố Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
22. Đoàn Tấn Minh (2010) *Phương pháp định tội danh và hướng dẫn định tội danh đối với các tội phạm trong Bộ luật Hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
23. Đào Bội Nhân (2017) *Tội hủy hoại rừng theo Luật Hình sự Việt Nam từ thực tiễn huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội.
24. Bùi Thế Phương (2015) *Tội hủy hoại rừng trong Luật Hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
25. Quốc hội (2016) *Bộ luật Dân sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
26. Quốc hội (2017) *Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
27. Quốc hội (2009) *Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Quốc hội (1985) *Bộ luật Hình sự năm 1985*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
29. Quốc hội (2013) *Hiến pháp năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Quốc hội (2012) *Luật xử lý vi phạm hành chính*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Quốc hội (2014) *Luật Bảo vệ môi trường*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Quốc hội (2004) *Luật Bảo vệ và phát triển rừng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Quốc hội (1991) *Luật Bảo vệ và phát triển rừng*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
34. Quốc hội (2017) *Luật Lâm nghiệp*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
35. Quốc hội (2017) *Nghị quyết số 41/2017/QH14 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số*

12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan Điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13, ban hành ngày 20/6/2017, Hà Nội.

36. Quốc hội (2004) *Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, ban hành ngày 15/11/2004, Hà Nội.

37. Đinh Văn Quế (2005) *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự - Phần các tội phạm*, Tập VIII, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.

38. Trường Đại học Luật Hà Nội (2012) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Tập 1, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

39. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011) *Bộ luật Hình sự Liên bang Nga*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

40. Trường Đại học Luật Hà Nội (2006) *Giáo trình Luật Môi trường*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

41. Trường Đại học Luật Hà Nội (1999) *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

42. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2013) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*, Quyển 1 - 2, Nxb Hồng Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

43. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2012) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb Hồng Đức, Hội Luật gia Việt Nam, thành phố Hồ Chí Minh.

44. TANDTC (2017) *Công văn số 256/TANDTC-PC của TANDTC về việc thi hành khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội*, ban hành ngày 31/7/2017, Hà Nội.

45. TANDTC (2015) *Công văn 276/TANDTC-PC về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015*, ban hành ngày 13/9/2016, Hà Nội.

46. TAND tỉnh Bình Định (2015) *Bản án số 106/2015/HSPT*, ban hành ngày 28/5/2015, Bình Định.
47. TAND tỉnh Bình Định (2014) *Bản án số 186/2014/HSPT*, ban hành ngày 26/8/2014, Bình Định.
48. TAND tỉnh Bình Định (2014) *Bản án số 89/2014/HSST*, ban hành ngày 18/4/2014, Bình Định.
49. TAND tỉnh Bình Định (2014) *Bản án số 71/2014/HSPT*, ban hành ngày 21/3/2014, Bình Định.
50. TAND tỉnh Bình Định (2013) *Bản án số 212/2013/HSPT*, ban hành ngày 23/9/2013, Bình Định.
51. TAND tỉnh Bình Định (2013) *Bản án số 185/2013/HSPT*, ban hành ngày 28/8/2013, Bình Định.
52. TAND huyện An Lão (2017) *Bản án số 02/2017/HSST*, ban hành ngày 14/12/2017, An Lão, Bình Định.
53. TAND huyện Hoài Ân (2017) *Bản án số 23/2017/HSST*, ban hành ngày 09/5/2017, Hoài Ân, Bình Định.
54. TAND huyện Hoài Ân (2014) *Bản án số 01/2014/HSST*, ban hành ngày 20/02/2014, Hoài Ân, Bình Định.
55. TAND huyện Hoài Ân (2014) *Bản án số 18/2014/HSST*, ban hành ngày 10/9/2014, Hoài Ân, Bình Định.
56. TAND huyện Hoài Ân (2013) *Bản án số 29/2013/HSST*, ban hành ngày 25/6/2013, Hoài Ân, Bình Định.
57. TAND huyện Hoài Ân (2013) *Bản án số 28/2013/HSST*, ban hành ngày 24/6/2013, Hoài Ân, Bình Định.
58. TAND huyện Hoài Ân (2013) *Bản án số 27/2013/HSST*, ban hành ngày 24/6/2013, Hoài Ân, tỉnh Bình Định.
59. TAND huyện Hoài Nhơn (2017) *Bản án số 26/2017/HSST*, ban hành ngày 04/7/2017, Hoài Nhơn, Bình Định.

60. TAND huyện Hoài Nhơn (2017) *Bản án số 25/2017/HSST*, ban hành ngày 04/7/2017, Hoài Nhơn, Bình Định.

61. TAND huyện Hoài Nhơn (2016) *Bản án số 54/2016/HSST*, ban hành ngày 30/9/2016, Hoài Nhơn, Bình Định.

62. TAND huyện Vân Canh (2017) *Bản án số 10/2017/HSST*, ban hành ngày 29/12/2017, Vân Canh, Bình Định.

63. TAND huyện Vân Canh (2015) *Bản án số 06/2015/HSST*, ban hành ngày 03/4/2015, Vân Canh, Bình Định.

64. TAND huyện Vân Canh (2014) *Bản án số 02/2014/HSST*, ban hành ngày 20/01/2014, Vân Canh, Bình Định.

65. TAND huyện Vĩnh Thạnh (2017) *Bản án số 11/2017/HSST*, ban hành ngày 10/8/2017, Vĩnh Thạnh, Bình Định.

66. TAND huyện Vĩnh Thạnh (2016) *Bản án số 04/2016/HSST*, ban hành ngày 30/12/2016, Vĩnh Thạnh, Bình Định.

67. TAND huyện Vĩnh Thạnh (2016) *Bản án số 12/2016/HSST*, ban hành ngày 09/8/2016, Vĩnh Thạnh, Bình Định.

68. TAND huyện Vĩnh Thạnh (2014) *Bản án số 10/2014/HSST*, ban hành ngày 21/3/2014, Vĩnh Thạnh, Bình Định.

69. TAND huyện Vĩnh Thạnh (2014) *Bản án số 04/2014/HSST*, ban hành ngày 20/02/2014, Vĩnh Thạnh, Bình Định.

70. TAND huyện Vĩnh Thạnh (2014) *Bản án số 01/2014/HSST*, ban hành ngày 20/02/2014, Vĩnh Thạnh, Bình Định.

71. UBND tỉnh Bình Định (2018) *Quyết định số 442/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng tỉnh Bình Định năm 2017*, ban hành ngày 30/3/2018, Bình Định.

72. UBND tỉnh Bình Định (2016) *Quyết định số 4920/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh Bình Định năm 2016*, ban hành ngày 29/12/2016, Bình Định.

73. UBND tỉnh Bình Định (2016) *Quyết định số 1169/QĐ-UBND phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp tỉnh Bình Định năm 2015*, ban hành ngày 11/4/2016, Bình Định.

74. UBND tỉnh Bình Định (2015) *Quyết định số 890/QĐ-UBND phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp tỉnh Bình Định năm 2014*, ban hành ngày 17/3/2015, Bình Định.

75. UBND tỉnh Bình Định (2014) *Quyết định số 887/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp tỉnh Bình Định năm 2013*, ban hành ngày 31/3/2014, Bình Định.

76. VKSND tỉnh Bình Định (2017) *Báo cáo số 148/BC-VKS tổng kết công tác kiểm sát năm 2017*, ban hành ngày 04/12/2017, Bình Định.

77. VKSND tỉnh Bình Định (2016) *Báo cáo số 141/BC-VKS tổng kết công tác kiểm sát năm 2016*, ban hành ngày 06/12/2016, Bình Định.

78. VKSND tỉnh Bình Định (2015) *Báo cáo số 126/BC-VKS tổng kết công tác kiểm sát năm 2015*, ban hành ngày 07/12/2015, Bình Định.

79. VKSND tỉnh Bình Định (2014) *Báo cáo số 125/BC-VKS tổng kết công tác kiểm sát năm 2014*, ban hành ngày 12/12/2014, Bình Định.

80. VKSND tỉnh Bình Định (2013) *Báo cáo số 125/BC-VKS tổng kết công tác kiểm sát năm 2013*, ban hành ngày 12/12/2013, Bình Định.

81. Viện KSND huyện An Lão (2017) *Cáo trạng số 30/QĐ-KSĐT*, ban hành ngày 04/10/2017, An Lão, Bình Định.

82. VKSND huyện Hoài Ân (2013) *Cáo trạng số 38/QĐ-KSĐT*, ban hành ngày 16/10/2013, Hoài Ân, Bình Định.

83. VKSND huyện Hoài Ân (2013) *Quyết định kháng nghị số 120/KN-VKS*, ban hành ngày 06/7/2013, Hoài Ân, Bình Định.

84. VKSND huyện Hoài Ân (2013) *Cáo trạng số 19/QĐ-KSĐT*, ban hành ngày 05/6/2013, Hoài Ân, Bình Định.

85. VKSND huyện Hoài Ân (2013) *Cáo trạng số 17/QĐ-KSĐT*, ban hành ngày 30/5/2013, Hoài Ân, Bình Định.

86. VKSND huyện Hoài Ân (2013) *Cáo trạng số 13/QĐ-KSĐT*, ban hành ngày 15/3/2013, Hoài Ân, Bình Định.
87. VKSND huyện Hoài Nhơn (2017) *Cáo trạng số 319/QĐ-KSĐT*, ban hành ngày 25/4/2017, Hoài Nhơn, Bình Định.
88. VKSND huyện Hoài Nhơn (2017) *Cáo trạng số 326/QĐ-KSĐT*, ban hành ngày 26/4/2017, Hoài Nhơn, Bình Định.
89. VKSND huyện Hoài Nhơn (2016) *Cáo trạng số 305/QĐ-KSĐT*, ban hành ngày 22/6/2016, Hoài Nhơn, Bình Định.
90. VKSND huyện Vân Canh (2017) *Cáo trạng số 06/QĐ-KSĐT*, ban hành ngày 08/11/2017, Vân Canh, Bình Định.
91. VKSND huyện Vân Canh (2014) *Cáo trạng số 17/QĐ-KSĐT*, ban hành ngày 26/11/2014, Vân Canh, Bình Định.
92. VKSND huyện Vân Canh (2013) *Cáo trạng số 01/QĐ-KSĐT*, ban hành ngày 27/12/2013, Vân Canh, Bình Định.
93. VKSND huyện Vĩnh Thạnh (2017) *Cáo trạng số 11/QĐ-KSĐT*, ban hành ngày 17/7/2017, Vĩnh Thạnh, Bình Định.
94. VKSND huyện Vĩnh Thạnh (2016) *Cáo trạng số 09/QĐ-KSĐT*, ban hành ngày 21/11/2016, Vĩnh Thạnh, Bình Định.
95. VKSND huyện Vĩnh Thạnh (2016) *Cáo trạng số 05/QĐ-KSĐT*, ban hành ngày 27/6/2016, Vĩnh Thạnh, Bình Định.
96. VKSND huyện Vĩnh Thạnh (2013) *Cáo trạng số 17/QĐ-KSĐT*, ban hành ngày 05/11/2013, Vĩnh Thạnh, Bình Định.
97. VKSND huyện Vĩnh Thạnh (2013) *Cáo trạng số 15/QĐ-KSĐT*, ban hành ngày 24/10/2013, Vĩnh Thạnh, Bình Định.
98. Võ Khánh Vinh (2013) *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
99. Viện ngôn ngữ học (2002) *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.

100. Phùng Thế Vắc, Trần Văn Luyện, Phạm Thanh Bình, Nguyễn Đức Mai, Nguyễn Sĩ Đại, Nguyễn Mai Bộ (2001) *Bình luận khoa học BLHS năm 1999 - Phần các tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

101. Nguyễn Văn Xô (2008) *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

102. Michael G. Faure. Hao Zhang (2011) “Environmental Criminal Law in China: A Critical Analysis”, Environmental Law Reporter, USA, <[https:// www.eli.org/](https://www.eli.org/)>. [<https://www.epa.gov/ogc/china/faure.pdf>>, (23/10/2012).

103. United Nations Office on Drugs and Crime (UNODC) (2015) “Criminal justice response to wildlife and forest crime in Cambodia”, <https://wildlifecrimetech.org/action/document/download?document_id=15>, (25/02/2015).